

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
3943	Phạm Thị Hương		01/01/31	270127686	15/2 tổ 3, Đồng Nai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3944	Phạm Thị Lùng		01/01/37	270161953	168/51 ấp An Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3945	Phạm Thị Màu		01/01/34	270063631	24/3 tổ 10 Đồng Nai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3946	Phạm Văn Bé	01/01/28		270161308	55/11 ấp Cầu Hang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3947	Phan Thị Dèo		01/01/32		36/3A ấp Đồng Nai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3948	Phan Thị Mãn		01/01/31	270380740	144/26 tổ 22A, ấp Cầu Hang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3949	Phan Văn Năm	01/01/40		270161636	32/7 kp Cầu Hang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3950	Phan Văn Trị	01/01/30		270147596	1/2B Bình Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3951	Tạ Thị Mến		01/01/31	270642504	53/12 ấp Cầu Hang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3952	Trà Thị Xê	01/01/40		270147823	45C kp Bình Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3953	Trần Thị Cận		01/01/30		Ấp Cầu Hang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3954	Trần Thị Chi		05/04/36	020297749	8/8 tổ 6A ấp Đồng Nai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3955	Trần Thị Cúc		01/01/29	190061254	100/20 Bình Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3956	Trần Thị Diệu		01/01/37	270161806	55/11 ấp Cầu Hang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3957	Trần Thị Hoi		01/01/37	270161456	118/24 ấp Tân Hóa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3958	Trần Thị Lài		01/01/37	272309589	41B ấp Bình Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3959	Trần Thị Năm		01/01/36	270147402	16/3 tổ 8C ấp Đồng Nai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3960	Trần Thị Nghĩa		07/10/37	270167458	80/1B ấp bình hóa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
3961	Trần Thị Ngó		01/01/33	270080312	106/22 An Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3962	Trần Thị Tư		01/01/35	270147792	79/2B Bình Hóa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3963	Trần Thị Vạn		01/01/32	270161857	100/20 Ấp Cầu Hang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3964	Trần Thị Vui		01/01/36	270061750	107/22, ấp cầu hang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3965	Trần Văn Huỳnh	01/01/37		270161634	120/24 ấp Cầu Hang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3966	Trần Văn Lén	01/01/26		272230235	An Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3967	Trần Văn Nhơn	11/20/37		270056506	7/1 ấp Đồng Nai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3968	Trần Văn Tây	01/01/33		270147868	23A Bình Hóa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3969	Trần Văn Thân	01/01/39		272099488	111/3/18 ấp Cầu Hang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3970	Trần Văn Thanh	01/01/29		270147722	68/2C ấp Bình Hóa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3971	Trịnh Văn Chà	01/01/40		270147646	54/2B kp Bình Hóa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3972	Trương Thị Kim Vân		01/01/39	270018609	1/5 ấp Đồng Nai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3973	Trương Thị Năm		01/01/26	270147987	Ấp Bình Hóa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3974	Trương Thị Xinh		01/01/25	270161592	115/23 ấp An Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3975	Trương Văn Võ	01/01/40		270161152	13P kp Bình Hóa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3976	Từ Thị Thê		01/01/30	270161923	46B tổ 3B, Bình Hóa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3977	Từ Văn Xê	01/01/32		270161941	46A, tổ 13B, ấp Bình Hóa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3978	Võ Thị Hót		01/01/31	270147782	77/2B tổ 15, Bình Hóa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3979	Võ Thị Ngoạt		01/01/40	270161817	Khu phố An Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3980	Võ Thị Phe		01/01/38	271127678	14/3 ấp Đồng Nai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
3981	Võ Văn Bạch	01/01/38		270127908	23/3 ấp Đồng Nai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3982	Võ Văn Bầu	01/01/28		270161457	96/19 ấp An Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3983	Võ Văn Đu	01/01/27		270033857	110/22 tổ 16, An Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3984	Bùi Thị Hoàn Châu		06/17/03		tổ 19A kp An Hòa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3985	Danh Văn Phương	12/24/02			14/5C ấp Đồng Nai	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3986	Đào Ái Phương	01/01/92			15/1, Tổ 3, ấp Đồng Nai	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3987	Đỗ Ngân Giang	08/18/89		272079442	tổ 18 ấp An Hòa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3988	Đỗ Quang Thịnh	01/01/71		272205751	15/5 tổ 5, ấp Đồng Nai	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3989	Hà Thị Thu Cúc		01/01/89		15/4 tổ 3 ấp Đồng Nai	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3990	Hà Văn Hòa	03/03/62		270588559	20/7A ấp An Hòa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3991	Hoàng Văn Thành	12/07/69		271893553	226, Tổ 18 ấp An Hòa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3992	Hứa Anh Chương	07/05/71		270892677	tổ 17 ấp Bình Hòa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3993	Huỳnh Khánh Trinh	01/01/94			9/3 tổ 5, ấp Đồng Nai	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3994	Khuong Quốc Anh	01/01/02			162 ấp Cầu Hang	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3995	Lê Văn Dũng	01/08/02			tổ 22 kp Cầu Hang	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3996	Lương Thị Cẩm Hương		01/01/91	272470946	154/30 ấp Cầu Hang	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3997	Lý Ngọc Giàu	01/01/64		270233840	56/2C kp Bình Hòa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
3998	168 Ngô Thanh Dũng	01/01/67		270709090	10/18 tổ 18 ấp An Hòa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3999	169 Nguyễn Hà Bảo Ngân		01/01/03		151/9 tổ 21A ấp Cầu Hang	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4000	170 Nguyễn Hoàng Anh Khoa	01/01/96			16/4B, Đồng Nai	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4001	171 Nguyễn Ngọc Giang		01/01/82		6/4 tổ 2, ấp Đồng Nai	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4002	172 Nguyễn Sử Quốc Oai	01/01/69			69/1A tổ 13, ấp Bình Hóa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4003	173 Nguyễn Thái Bình	01/01/72		271860758	94A ấp Bình Hóa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4004	174 Nguyễn Thị Cẩm Nhung		01/01/79	271376009	6/2B ấp Bình Hóa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4005	175 Nguyễn Thị Lan		01/01/80		103/21 ấp An Hòa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4006	176 Nguyễn Văn Hiền	01/01/99			2378/9 tổ 22, ấp Cầu Hang	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4007	177 Nguyễn Văn Hùng	01/01/63			65/13, An Hòa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4008	178 Nguyễn Văn Hùng	01/01/65		270940094	64/13 Tân Hòa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4009	179 Nguyễn Văn Hưng	01/01/73			101/21 tổ 16, An Hòa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4010	180 Nguyễn Văn Phát	01/01/80		271946173	103/21 ấp Tân Hóa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4011	181 Nguyễn Văn Vàng	05/01/76			39/8 kp An Hòa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4012	182 Phạm Hoàng Long	01/01/83			Áp Bình Hòa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4013	183 Phạm Thị Phương Uyên		01/01/75	272389324	8/1 tổ 13B, Bình Hóa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4014	184 Phạm Thị Thùy Phương		04/18/91		63/16 tổ 18B An Hòa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4015	185 Phạm Văn Sim	06/23/70		272389324	8/1 ấp Bình Hòa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4016	186 Tăng Thị Thỏ		01/01/68	365141738	20/21 tổ 20B2 ấp Cầu Hang	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
4017	187 Trần Thị Thùy Trang		11/22/88	371675508	ấp Đồng Nai	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4018	188 Trần Văn Tôn	01/01/81		272319760	17/4 ấp Cầu Hang	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4019	189 Trương Văn Liêm	02/25/72		271104617	54A ấp Bình Hòa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4020	190 Bùi Thị Xuyên		01/01/38	270147597	1/2B ấp Bình Hòa	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4021	191 Đỗ Văn Bá	01/01/40		270127583	23/5 ấp Đồng Nai	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4022	192 Hứa Thị Lại		01/01/42	270147463	15/5 ấp Đồng Nai	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4023	193 Huỳnh Văn Tấn	08/12/38		272050604	18, tổ 18, Tân Hòa	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4024	194 Lê Văn Nho	01/01/56		272143378	86A/18 kp Tân Hòa	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4025	195 Mai Công Tạo	01/01/55			125/80 tổ 19B, ấp An Hòa	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4026	196 Mụ Thị Nhiều		04/02/59		12/5 kp Đồng Nai	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4027	197 Ngô Minh Hai	05/19/35		272508629	128/37 Cầu Hang	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4028	198 Ngô Văn Minh	01/01/51		272439187	173/3A, Bình Hòa	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4029	199 Nguyễn Thanh Xuân	07/30/52			71/2/14 kp Bình Hòa	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4030	200 Nguyễn Thị Cốc		01/01/26	270236299	64/13 tổ 18	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4031	201 Nguyễn Thị Diên		01/01/24		36/8 An Hòa	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4032	202 Nguyễn Thị Hai		04/22/57	270161925	36/1 ấp Đồng Nai	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4033	203 Nguyễn Thị Hai		11/25/47	272287615	123/25	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4034	204 Nguyễn Thị Hù		01/01/37	272470864	2/20 Cầu Hang	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4035	205 Nguyễn Thị Kéo		01/01/50		Ấp Bình Hòa	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
4036	Nguyễn Thị Lùng		01/01/47	270127753	24/3 ấp Đồng Nai	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4037	Nguyễn Thị Nghĩa		01/01/56	270045489	1/5C ấp Đồng Nai	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4038	Nguyễn Thị Sơn		01/01/58		48/10 tổ 19	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4039	Nguyễn Văn Ba	01/01/47		270161464	184/37 ấp An Hòa	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4040	Nguyễn Văn Dầu	01/01/56			20/4 ấp Cầu Hang	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4041	Nguyễn Văn Sương	01/01/33		270127770	13/1 ấp Đồng Nai	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4042	Nguyễn Văn Tư	01/01/56		270705781	1/2B ấp An Hòa	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4043	Phan Thị Tuổi		01/01/22		10/3 Ấp Đồng Nai	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4044	Trần Thị Răm		07/15/48	270126530	21/2B kp Đồng Nai	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4045	Trương Thị Chánh		01/01/32	270018835	2/1B ấp Đồng Nai	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4046	Bùi Ngọc Thanh Mai		01/01/04		119/3 tổ 15C, Bình Hóa	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4047	Bùi Văn Minh	04/25/07			49P tổ 17B ấp Bình Hóa	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4048	Đàm Hoài Thư		10/07/11		47C tổ 15A ấp Bình Hóa	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4049	Hồ Thị Hồng Nhung	01/01/08			Áp Bình Hóa	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4050	Hoàng Hữu Trí	06/18/11			210 chung cư 13	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4051	Hoàng Kỳ Anh	07/11/11			142/30 ấp An Hòa	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4052	Lê Quang Minh	10/14/11			ấp Đồng Nai	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4053	Lê Văn Phúc	01/01/10			3/1 tổ 20 ấp Cầu Hang	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4054	Nguyễn Trúc Linh		01/01/10		Tổ 16A ấp An Hòa	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
4055	225 Nguyễn Vũ Văn Tài	05/10/07			32/7C, Tổ 13, Ấp Bình Hòa	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4056	226 Phạm Gia Bảo	08/27/10			Tổ 20B2 ấp Cầu Hang	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4057	227 Phạm Gia Khánh	05/28/04			213 chung cư 5 tầng số 1B, đường NAO, ấp Cầu Hang	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4058	228 Trần Khả Vỹ				34/8 ấp An Hòa	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4059	229 Trần Võ Mai Quỳnh		09/09/11		51/11 tổ 20, ấp Cầu Hang	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4060	230 Bùi Thị Vân		01/01/10		ấp Bình Hòa	NKT nặng	750.000	1.500.000	
4061	231 Đỗ Quang Cường	03/23/68	12/30/68		15/5 ấp Đồng Nai	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4062	232 Đỗ Thanh Tiên	01/01/78		271904974	67/17, Tổ 18	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4063	233 Đỗ Thị Mỹ Hương			023745206	tổ 19 ấp An Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4064	234 Đỗ Thị Hoàng		07/25/82	270751287	76/16, Tân Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4065	235 Đỗ Thị Tuyết		01/01/65		124/25 ấp An Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4066	236 Dương Minh Thông	08/25/99			77/2B bình Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4067	237 Hà Quốc Cường	03/30/75		271247852	1248 tổ 12 ấp Bình Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4068	238 Hà Thị Lan Anh		01/01/99		tổ 8B, ấp Đồng Nai	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4069	239 Hà Thị Thúy Hằng		05/18/97	272716789	42A1 ấp Bình Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4070	240 Hồ Thị Lệ		01/01/64	272286273	35/1 tổ 7, ấp Đồng Nai	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4071	241 Hoàng Văn Bình	12/02/70		270893554	226, Tổ 18 ấp An Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4072	242 Hoàng Văn Trọng	01/01/74		271347999	226, Tổ 18 ấp An Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4073	243 Hồng Kế Diệu	01/01/75			8/6 ấp Đồng Nai	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
4074	Huỳnh Ngọc Đạt	06/06/63		270127974	1/8 ấp Đồng Nai	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4075	Huỳnh Ngọc Dũng	10/25/65		270709057	1/8, Ấp Đồng Nai	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4076	Huỳnh Ngọc Hòa		01/01/80		138/28 ấp An Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4077	Huỳnh Thanh Hùng	07/05/86		272050553	160/20 kp Cầu Hang	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4078	Lâm Hữu Đồng	02/19/89			15/4a ấp Đồng Nai	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4079	Lê Nguyễn Hoàng Oanh	08/31/00		272718066	4/4 ấp Đồng Nai	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4080	Lê Nguyễn Khang	01/01/76		271422559	6/4 tổ 5, Đồng Nai	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4081	Lê Thành Văn	01/01/68		272270542	11/2B ấp Bình Hóa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4082	Lê Thị Thanh Hoa		12/30/02		tổ 15B ấp Bình Hóa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4083	Lê Văn Cung	01/01/72		272326891	63/13 tổ 21 ấp Cầu Hang	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4084	Lê Văn Hậu	01/01/94		272489717	tổ 17B ấp Bình Hóa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4085	Lương Văn Giới	01/01/74		271142990	Tổ 17, Bình Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4086	Lưu Trọng Tài	01/01/70		276071173	tổ 4 kp Đồng Nai	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4087	Mai Thành Kiệt	01/01/98			149/30B Tổ 18 ấp An Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4088	Mai Thị Kim Chi		01/01/69	270780128	106/22 tổ 16 ấp An Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4089	Mai Văn Tới	01/01/78			133 ấp Bình Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4090	Nguyễn Hồng Lợi	03/14/75		271323931	tổ 18 ấp An Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4091	Nguyễn Hữu Trung	07/22/90		272179922	tổ 17 ấp Bình Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
4092	262 Nguyễn Ngọc Tuấn	01/01/82			19/3 tổ 4, ấp Đồng Nai	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4093	263 Nguyễn Quốc Trung	11/14/94		272764377	16/3 tổ 8C ấp Đồng Nai	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4094	264 Nguyễn Sinh Thái	10/06/82		272376974	48/10 kp An Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4095	265 Nguyễn Tấn Tài	01/01/83		271802415	20B ấp Bình Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4096	266 Nguyễn Thành Công	07/20/65		270705842	21/2C ấp Bình Hóa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4097	267 Nguyễn Thị Ánh Tuyết		01/01/72		tổ 19 ấp An Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4098	268 Nguyễn Thị Hạnh		01/01/75		73 đường 1351 ấp Bình Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4099	269 Nguyễn Thị Huệ		01/01/68	271223395	tổ 22 kp Cầu Hang	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4100	270 Nguyễn Thị Kim Thoa		01/01/86	272286247	19/3, Tổ 4 ấp Đồng Nai	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4101	271 Nguyễn Thị Ngọc Trang	08/14/94			45/9 ấp Tân Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4102	272 Nguyễn Thị Tâm		02/08/73	162294180	tổ 15C bình Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4103	273 Nguyễn Trần Lê	01/01/78		272477746	20/2 ấp Đồng Nai	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4104	274 Nguyễn Trúc Thanh	11/17/94			105/21 kp Cầu Hang	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4105	275 Nguyễn Văn Danh	04/03/66		270705811	2/9 ấp Đồng Nai	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4106	276 Phạm Hữu Thắng	03/17/72			23/1B ấp Đồng Nai	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4107	277 Phạm Thị Thiệt		01/01/86		Ấp An Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4108	278 Phạm Tuấn Ngọc	11/18/65		270709102	31A ấp Bình Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4109	279 Phạm Văn An	01/07/97		272507125	2440/8 ấp Cầu Hang	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
4110	Phan Hoàng Vinh	07/01/88		212139647	29/5 tổ 7 ấp Đồng Nai	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4111	Trần Đức Long	10/09/71		271946861	20/1B ấp Cầu Hang	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4112	Trần Hoàng Phước	01/01/99			19/1 tổ 10B, Đồng Nai	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4113	Trần Ngọc Đức	11/21/93			tổ 17 ấp Bình Hóa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4114	Trần Thành Hoàng	01/01/71			56 tổ 16 ấp An Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4115	Trần Thành Xáy	01/01/62			56 tổ 16 ấp An Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4116	Trần Thị Thơm		01/01/79	272489167	Áp Cầu Hang	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4117	Trần Văn Trọng	01/01/73		240622362	132/26 tổ 22A ấp Cầu Hang	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4118	Trương Hồ Vinh	12/18/78		271468371	24/4B, Tổ 10A, Áp Đồng Nai	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4119	Trương Thị Nhung		01/01/66	270751266	43A ấp Bình Hóa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4120	Võ Thị Xuân		01/01/69	272704485	tổ 5 ấp Đồng Nai	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4121	Võ Trường Giang	01/14/79		271376138	90/1C ấp Bình Hóa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4122	Võ Văn Quang	01/01/71		271921085	129 Bình Hóa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4123	Võ Văn Thiết	01/01/66		272287808	tổ 13 kp Bình Hóa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4124	Võ Xuân Hoài		01/02/85	271844425	ấp Bình Hóa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4125	Vương Nhật Nam	02/28/98		272601129	129/20B An Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4126	Bùi Ngọc Tuyền	01/01/59		270161740	132/27, Cầu Hang	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4127	Đặng Thanh Danh	01/01/56			tổ 14B ấp Bình Hóa	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
4128	Đinh Thị Bình		08/23/55	272884755	219/4/5 ấp Cầu Hang	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4129	Đỗ Thị Kim Dung		10/27/58	270010051	tổ 14A ấp Bình Hóa	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4130	Dương Bạch Tuyết		04/29/55	270479406	53/3 ấp Bình Hóa	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4131	Huỳnh Thanh Bạch Tuyết		07/25/59	350428291	16B ấp Đồng Nai	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4132	Lâm Văn Tý	01/01/53		270147012	29/1 tổ 6 ấp Đồng Nai	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4133	Lê Thị Bành		01/01/43	270161311	51/11 Tân Hòa	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4134	Lê Thị Nhung		07/10/56	271306107	7/2A Cầu Hang	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4135	Lưu Tài		01/01/53	270127585	5/8 ấp Đồng Nai	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4136	Mai Thanh Sơn	01/01/55		272309590	41B, Bình Hòa	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4137	Nguyễn Minh Chánh	03/27/59			41C tổ 15 ấp Bình Hòa	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4138	Nguyễn Thị Kim Anh		01/01/52		15/5 kp Đồng Nai	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4139	Nguyễn Thị Lan		01/01/49	270147312	6/3 ấp Đồng Nai	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4140	Nguyễn Thị Lùng		01/01/50	270161525	129/26 tổ 18 An Hòa	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4141	Nguyễn Thị Mười		04/20/57	270127992	36 ấp Đồng Nai	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4142	Nguyễn Thị Quí		12/13/58	270127641	24/1 ấp Đồng Nai	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4143	Nguyễn Văn Sơn	02/24/58		270150144	Tổ 17, Ấp Bình Hóa	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4144	Phan Thị Muôn		01/01/42	270147856	34A ấp Bình Hóa	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4145	Thái Văn Phương	09/01/58		270147089	8/3B kp Đồng Nai	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4146	Trần Thị Mười		01/01/59	272969113	128P ấp Bình Hóa	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
4147	Trần Thị Phương		01/01/59	270147682	23A ấp Bình Hóa	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4148	Trần Văn Mai	07/01/57		63120713	40B tổ 15 ấp bình Hóa	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4149	Trang Huỳnh	06/14/45		270150031	131/27, An Hòa	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4150	Trương Bích Hí	01/01/44		270094771	167/37A tổ 16 ấp Tân Hóa	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4151	Trương Thị Hối		06/10/58	270162533	159P tổ 14B ấp Bình Hóa	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4152	Bùi Đăng Khoa	05/09/11			6/5B, Ấp Đồng Nai	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4153	Bùi Ngọc Bảo Châu		01/01/05		85/17 Cầu Hang	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4154	Đinh Trọng Dũng	10/02/06			tổ 22D ấp Cầu Hang	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4155	Đỗ Ngọc Yén		11/06/04		53/3B ấp Bình Hóa	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4156	Hồ Hoàng Kim Phú	08/10/10			491/A ấp Bình Hóa	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4157	Hoàng Nguyễn Khang	09/10/11			tổ 9 ấp Đồng Nai	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4158	Huỳnh Hữu Nghĩa	04/14/04			172/35B ấp An Hòa	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4159	Lê Hoàng Anh Vũ	03/25/08			15/2B ấp Đồng Nai	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4160	Lê Khanh Sang	01/01/04			129/26A An Hòa	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4161	Lê Minh Quân	04/04/12			36/18 ấp An Hòa	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4162	Lê Thanh Trúc		10/03/06		42A ấp Bình Hóa	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4163	Lê Thị Nhớ		05/25/06		11/4 ấp Đồng Nai	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
4164	334 Lê Thị Thùy Linh		10/29/11		137/25 ấp An hòa	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4165	335 Nguyễn Hồ Trường Kha	02/21/13			13/1 ấp Đồng Nai	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4166	336 Nguyễn Hoài Nam	08/01/06			63/13 tổ 21 ấp Cầu Hang	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4167	337 Nguyễn Ngọc Bảo Trân		08/28/07		82/2B tổ 15A ấp Bình Hóa	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4168	338 Nguyễn Ngọc Đức	01/01/08			ấp Đồng Nai	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4169	339 Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh		09/07/11		24/1A ấp Đồng Nai	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4170	340 Nguyễn Phi Long	09/08/12			53/3 ấp Bình Hóa	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4171	341 Nguyễn Quang Minh	03/24/12			30/5 ấp Đồng Nai	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4172	342 Nguyễn Thị Ngọc Hoa		06/27/07		tổ 19A ấp An hòa	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4173	343 Nguyễn Thị Phương Lan		04/19/16		tổ 16 kp An Hòa	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4174	344 Nguyễn Trường Phúc	01/07/05			ấp Đồng Nai	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4175	345 Phạm Đăng Khoa	07/17/08			120/26 ấp An Hòa	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4176	346 Phạm Đình Nam	10/01/10			213 chung cư 1C ấp Cầu Hang	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4177	347 Phạm Nguyễn Hoàng Long	09/18/04			20/5D ấp Đồng Nai	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4178	348 Phạm Thị Việt Hà		01/14/12		35/21/1A ấp An Hòa	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4179	349 Tống Duy Tân	01/01/04			142/25A, Cầu Hang	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4180	350 Khổng Minh Bình	03/23/01			9A/20 ấp Cầu Hang	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
					Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng		450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
4181	Khổng Minh Nhật	03/23/01			9A/20 ấp Cầu Hang	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
4182	Phạm Ngọc Thiên Thư		08/10/01		19 ấp Bình Hóa	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
4183	Đổng Văn Long	01/10/07			14/4 kp Đồng Nai	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
4184	Nguyễn Phước Thịnh	12/26/05			196/39 ấp Tân Hóa	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
4185	Nguyễn Phương Thy		08/08/04		196/39 ấp Tân Hóa	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
4186	Nguyễn Thành Lộc	05/13/09			103/21 ấp Tân Hóa	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
4187	Nguyễn Thành Nhân	07/07/15			103/21 ấp Tân Hóa	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
4188	Phạm Ngọc Thiên Kim		01/29/09		19 ấp Bình Hóa	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
IX. PHƯỜNG HÒA BÌNH									
4189	1 Giang Lạc	07/31/52		276071699	147D kp3	NCT có đơn thuộc hộ nghèo từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi	450.000	1.500.000	
4190	Đinh Thị Sáu		01/01/37	270069135	163/346, KP2	NCT có đơn thuộc hộ nghèo từ đủ 80 tuổi trở lên	600.000	1.500.000	
4191	Bùi Ngọc Anh		07/09/34	270940499	26B Quang Trung	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4192	Bùi Thị Hồ		01/01/38	271645074	293/33 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4193	Bùi Thị Nguyệt		01/01/34	270100078	15/3Đ KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4194	Bùi Thị Phước		01/01/38	270080558	15/178 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
4195	Bùi Thị Tâm		01/01/40	270067801	49/17 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4196	Cao Thị Bạc		01/01/29		79/42A Huỳnh Văn Lũy, KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4197	Châu Quang Ngộ	01/01/32		280255803	1/40, KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4198	Châu Thị Muội		07/16/38	270067549	79/42B kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4199	Chung Sâm	07/07/39		270772926	293/11 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4200	Đàm Thị Lang		01/01/38	270067778	37/8 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4201	Đặng Ngọc Tấn	06/04/39		272270222	163/114D kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4202	Đặng Sâm	01/19/40		270782703	59B kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4203	Đặng Thị Chính		01/01/39	270067095	79/50 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4204	Đặng Thị Đây		05/26/34	270067654	17/2 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4205	Đặng Thị Tiếng		01/01/31	270067428	163/17 CMT8 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4206	Đặng Văn Trọng	01/01/39		270694044	163/7 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4207	Đào Thị Đông		01/01/37		26/3 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4208	Đào Thị Nga		01/01/37	270041434	15/53 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4209	Diệp Thuyết Kiều		01/01/32	270780076	1/6 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4210	Đinh Văn Châu	01/01/37		270067580	163/101 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4211	Đỗ Thị Trù		01/01/26	270067871	29/16 Phan Chu Trinh, KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4212	Đoàn Ngọc Bê	03/24/39		270081237	3/2B kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4213	Đổng Thị Thơm		09/24/38	270067556	79/37 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4214	Dương Thị Gái	1937	12/12/37	272037576	163/4 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4215	Dương Thị Hồng Tuệ		05/04/35	270067725	15/6 CMT8 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4216	Dương Thị Mai		01/01/37	270080068	15/120 Huỳnh Văn Lũy	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4217	Dương Thị Tâm		01/01/34		79/38 Huỳnh Văn Lũy	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4218	Dương Thị Út		01/01/36		239, CMT8, KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4219	Hồ Thị Bốn	1938	01/01/38	270069650	223/11 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4220	Hồ Thị Trù		01/01/36	270080164	15/127, tổ 19, kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
4221	33 Hồ Thị Vàng		01/01/39	270371898	24/10 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4222	34 Hứa Mỹ Anh		01/01/35	271712010	87 Huỳnh Văn Lũy	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4223	35 Huỳnh Kim Liêng		01/01/36		79/49	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4224	36 Huỳnh Thị Cám		01/01/32	280261666	15/62 Huỳnh Văn Lũy, KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4225	37 Huỳnh Thị Kim		01/01/22	270069685	219 KP4 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4226	38 Huỳnh Thị Lang		01/01/36	270642561	22, Huỳnh Văn Lũy	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4227	39 Huỳnh Thị Lợi		01/01/38	270069552	189/17 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4228	40 Huỳnh Thị Mạnh		01/01/35		29/13 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4229	41 Huỳnh Thị Tráng		01/01/40	270080031	15/106 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4230	42 Huỳnh Thị Tư		01/01/33	270081305	6/5 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4231	43 Huỳnh Văn Đông	01/01/33		270067504	79/78 Huỳnh Văn Lũy	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4232	44 Lê Hữu Đông	01/01/27		270010010	271/8 CMT8 KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4233	45 Lê Kim Thu		01/01/39	270067967	51 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4234	46 Lê Ngọc Cường	04/04/36		270671948	247 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4235	47 Lê Nguyệt Anh		08/15/35	270224153	103A, CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4236	48 Lê Nguyệt Lạc		01/01/39	270067095	79/27 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4237	49 Lê Thị Cá		01/01/34	272781648		NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4238	50 Lê Thị Chi		01/01/40	270022413	47/70 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4239	51 Lê Thị Chiếu		01/01/35	270081488	9/4 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4240	52 Lê Thị Công		01/01/39	270380913	24/14 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4241	53 Lê Thị Nhu		01/01/39	270642292	49/6 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4242	54 Lê Thị Tư		01/01/32	270081240	10/2 CMT8 KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4243	55 Lê Tố	11/15/37		270366924	163/383 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4244	56 Lê Văn Bi		01/01/38	270642625	293/33 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4245	57 Lê Văn Huệ	02/01/37		270010427	12/4 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4246	58 Lý Thị Lài		01/01/35	270067976	48 Huỳnh Văn Lũy	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4247	59 Lý Thị Nghinh		04/17/39	270014360	163/168 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú	
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19		
4248	60	Lý Thị Thu Vân		01/01/33	270081523	31 Phan Chu Trình, KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4249	61	Lý Văn Mạnh	01/01/29		270081102	31 khóm 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4250	62	Mai Thị Lệ Hoa		01/01/38	272039548	79/55 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4251	63	Mai Thị Ngào		01/01/37	270067604	163/254 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4252	64	Ngô Thị Xào		01/01/26	271855119	73 Huỳnh Văn Lũy, KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4253	65	Nguyễn Duy Điều	01/01/28		270602597	26 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4254	66	Nguyễn Kim Cang	10/25/36			101 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4255	67	Nguyễn Thị Ba		01/01/40	272289356	15/43 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4256	68	Nguyễn Thị Chúc		01/01/39	270360848	16/3A kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4257	69	Nguyễn Thị Cúc		07/04/36	270067649	26/4 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4258	70	Nguyễn Thị Gia		04/05/36	270081321	3/5 kp5 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4259	71	Nguyễn Thị Hón		01/01/34	270067907	29/4D Quang Trung	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4260	72	Nguyễn Thị Hưng		01/01/33	270062597	293/100 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4261	73	Nguyễn Thị Hy		01/01/31	270080022	47/53 Huỳnh Văn Lũy, KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4262	74	Nguyễn Thị Khen		01/01/29	270070388	163/25A CMT8, KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4263	75	Nguyễn Thị Kính		01/01/37	270069507	271/12B CMT8, Kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4264	76	Nguyễn Thị Linh		01/01/30	270069266	163/376 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4265	77	Nguyễn Thị Luông		01/01/37	270016263	223/19A, CMT8, KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4266	78	Nguyễn Thị Minh		01/01/31	271317271	223/7 CMT8, KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4267	79	Nguyễn Thị Mười		01/01/33	270069835	1/38 Huỳnh Văn Lũy, KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4268	80	Nguyễn Thị Mỹ		01/01/35	270080221	15/66 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4269	81	Nguyễn Thị Năm		01/01/35	270069240	163/246 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4270	82	Nguyễn Thị Ngoan		01/01/34	024681119	293/24 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4271	83	Nguyễn Thị Ngọt		01/01/32	270069258	163/294 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
4272	Nguyễn Thị Nhàn		01/01/23		21, Quang Trung	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4273	Nguyễn Thị Nho		04/30/34	270067156	79/52 Huỳnh Văn Lũy	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4274	Nguyễn Thị Nữ		01/01/36	270067002	79/79, kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4275	Nguyễn Thị Phi		01/01/27	310512978	34 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4276	Nguyễn Thị Soi		01/01/34	270080399	47/24 Huỳnh Văn Lũy	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4277	Nguyễn Thị Tám		01/01/38	270069043	163/10C kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4278	Nguyễn Thị Thảo		01/01/32	270081070	50/2 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4279	Nguyễn Thị Thiệu		01/01/30	270069770	293/97 CMT8, KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4280	Nguyễn Thị Trâm		01/01/37	270067190	79/9 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4281	Nguyễn Thị Út		01/01/30		47/76 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	500.000	Chết T4/2020
4282	Nguyễn Thị Út		01/01/37	270081454	14/1 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4283	Nguyễn Thị Xâu		01/01/40	270069616	293/26 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4284	Nguyễn Thị Xưa		01/01/31	270080127	15/82 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4285	Nguyễn Văn Bán	01/01/39		270080571	47/44 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4286	Nguyễn Văn Hiền	01/01/37		270069181	163/224B kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4287	Nguyễn Văn Hoa	01/01/39		270046812	15/1B kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4288	Nguyễn Văn Hữu	04/10/38		270080467	15/16 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4289	Phạm Thị Anh		01/01/35	270069110	163/114H kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4290	Phạm Thị Đặng		01/01/38	270080491	45 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4291	Phan Thị Phương		06/20/36	272419882	40 Hoàng Minh Châu	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4292	Phan Thị Xem		04/22/36		24/6 Huỳnh Văn Lũy	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4293	Phan Văn Huệ	03/13/39		270069270	163/302 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4294	Thái Bá Tý	06/10/36		270067382	201 B2 tổ 33 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4295	Thị Phát	07/21/37		270061604	191 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4296	Tổng Thị Lai		01/01/40	270069483	271/3 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4297	Trần Nghĩa Hải	06/14/33		270780004	29/20 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4298	Trần Mỹ Huỳnh		01/01/37	270081586	101 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4299	Trần Sĩ Cường	03/08/38		270069533	201 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
4300	112 Trần Tấn Khê		01/01/27	270141768	21 Huỳnh Văn Lũy, KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4301	113 Trần Thị Anh		06/04/27	270069698	189/15 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4302	114 Trần Thị Ba		01/01/32	270081313	15/3A KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4303	115 Trần Thị Bé		01/01/30	270929428	293/10 KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4304	116 Trần Thị Cái		08/10/38	270069065	163/68 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4305	117 Trần Thị Đây		01/01/33	270069659	293/82 CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4306	118 Trần Thị Hai		12/15/39	270008109	163/150 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4307	119 Trần Thị Huệ		01/01/32	270069153	163/200B CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4308	120 Trần Thị Ích		09/07/38	270001050	8/2C kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4309	121 Trần Thị Mỹ Nhung		01/01/37	270891539	163/48A CMT8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4310	122 Trần Thị Năm		01/01/39	270080452	47/40 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4311	123 Trần Thị Nhon		01/01/33	270069487	163/240 CMT8, KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4312	124 Trần Văn Anh	01/01/23		270069741	293/104, KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4313	125 Trần Văn Quý	01/01/30		270081517	15/3A CMT8, KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4314	126 Trang Thị Quòn	01/01/30		270069311	163/328 CMT8, KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4315	127 Trịnh Giác	01/01/28			44 Huỳnh Minh Châu, KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4316	128 Trương Hồng Ngọc	01/01/28		270080016	15/108 Huỳnh Văn Lũy, KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4317	129 Trương Thị Đây	01/01/38		270067425	163/19 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4318	130 Trương Thị Sáu	01/01/31		270067343	79/68 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4319	131 Trương Thông	01/01/32		270694849	1 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4320	132 Trương Văn Bé	01/02/39		270389510	163/110 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4321	133 Trương Văn Hai	01/01/31			189/10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4322	134 Trương Vĩnh Vi	10/26/35				NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4323	135 Tỷ Thị Em		06/11/38	270067735	21/3, KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4324	136 Vệ Hiệp	11/17/37		270380836	202 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4325	137 Võ Thị Duyên	01/01/35		270069789	163/150 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
					79/22A tổ 31 Huỳnh Văn Lũy	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
4326	Võ Thị Nhó		01/01/37	270893811	15/30 Huỳnh Văn Lũy, KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4327	Võ Thị Ớt		01/01/35	270069952	15/77 tổ 19 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4328	Võ Thu Thủy		11/22/36		17 Hoàng Minh Châu	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4329	Vũ Đình Húy	01/01/22		270069058	293/102 KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4330	Vũ Thị Vân		09/09/39	271860593	293/3B kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	600.000	1.500.000	
4331	Trương Kim Hoa		01/01/78		20/6 kp5	Người đơn thân nghèo đang nuôi từ 02 con trở lên	600.000	1.500.000	
4332	Đặng Quốc Hùng	01/01/77		271252228	163/106 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4333	Đinh Tấn Phát	01/01/87			61 Huỳnh Văn Lũy, KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4334	Đinh Văn Đức	06/06/66		270642435	15/147 kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4335	Hồ Quang Thái	01/01/95		270069085	163/140 CMT8, KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4336	Huỳnh Ngọc Như Ý		07/02/02	272926988	163/60 CMT8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4337	Lê Hữu Ngọc	03/03/02			293/123 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4338	Lê Thị Thủy Nga		02/09/95		163/97B kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4339	Nguyễn Đoàn Dự	12/05/03			15/168A Huỳnh Văn Lũy KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4340	Nguyễn Đức Tiến	01/01/96			9/2 CMT8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4341	Nguyễn Hữu Khánh	01/06/89		272589301	293/127B CMT8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4342	Nguyễn Thị Thu Hương		10/20/62	270080217	15/143 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
4343	Nguyễn Thiên Phú	06/10/01			163/252 CMT8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4344	Nguyễn Văn Hiệp	01/01/81		271400094	21/2 tổ 3 kp5	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4345	Nguyễn Văn Khanh	01/01/68			163/75 CMT8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4346	Nguyễn Văn Kim	12/04/68		270793939	163/318 kp5	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4347	Phạm Thị Hà		01/01/75		2/6 KP5	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4348	Phan Tấn Sỹ	01/01/72			163/31B	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4349	Trần Long	01/01/66		270711251	189/11 CMT8	NKT đặc biệt nặng	600.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
4350	Đặng Trung	01/01/59		272119177	163/29A KP3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CM/ND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
4351	163	Đông Thị Ngọc Tâm							
4352	164	Hứa Thị Hồng Yến	04/10/55	270022557	177A kp3; (KP4)	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4353	165	Mai Văn Chữ	01/01/59	270081263	7/3A kp5	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4354	166	Ngô Kim Tuyết			1/2A Phan Chu Trình	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4355	167	Nguyễn Thị Ba	08/30/56	270080080	163/76A kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4356	168	Nguyễn Thị Sót	01/01/41		189/11 CMT8, KP4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4357	169	Phạm Quốc Anh	01/01/32	270087318	79/94 KP3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4358	170	Quách Hôn Chương	01/01/52	280301410	163/130B CMT8, KP4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4359	171	Thạch Thành	07/09/38	270993606	285 kp5	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4360	172	Thái Thị Mai	03/15/60	270047237	163/120 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4361	173	Trần Hiếu Tâm	01/01/30	272489368	49/16 KP1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4362	174	Trần Kỳ	03/07/50	270899778	223/3B kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4363	175	Trần Thị Nữ	05/15/47	270080287	1/20 Huỳnh Văn Lũy	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4364	176	Từ Trọng Hiếu	01/01/42	270238702	163/25 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4365	177	Lương Thế Tú	06/13/55	270069806	1/12A tổ 17 Huỳnh Văn Lũy KP2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4366	178	Nguyễn Kinh Kỳ	10/02/05		15/84A KP2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4367	179	Bùi Đức Hậu	12/12/07		11/4A CMT8	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4368	180	Châu Ngọc Thu	01/01/96		49/17 KP1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4369	181	Châu Thị Kim Chi	01/01/77	2	1/42A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4370	182	Đặng Thị Bích Phượng	01/01/88	272399408	79/48 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4371	183	Danh Ngọc Xuân	01/01/72		16/3A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4372	184	Đỗ Văn Kiệt	02/14/86	271724161	303- B1 kp2-3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4373	185	Huỳnh Minh Trung	01/01/70		19/8 KP1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4374	186	Huỳnh Thị Kiều Hạnh	01/18/67		29/9 tổ 39 kp1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4375	187	Lê Chí Trọng	12/25/65	270642494	189/17 CMT8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4376	188	Lê Thị Ánh Hoa	01/01/66	270842276	25/1 KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
			01/01/67	270780015	53A QT, KP1	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
4377	Lê Văn Si	02/12/67			79/86 kp3	NKT nặng	450.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
4378	Lương Thanh Hải	01/01/76			79/58, KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4379	Lương Thu Hương	01/01/69			79/58, KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4380	Lương Văn Hùng	01/01/64			79/58, KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4381	Nguyễn Minh Tuấn	01/01/79		270034599	163/3C, KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4382	Nguyễn Ngọc Yến		01/01/95		15/115 KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4383	Nguyễn Thị Thêm		01/01/61	270315674	301 B1 kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4384	Nguyễn Thị Thu Trang		10/10/66	271317269	223/7 kp4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4385	Nguyễn Xuân Trám		01/01/82	270364749	163/102B	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4386	Phạm Thị Thanh Lý		01/01/84	271545523	6/4 KP5	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4387	Phan Cao Trí	12/20/76			47/70A kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4388	Phan Tấn Thành	01/01/76		271999305	163/302 CMT8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4389	Phan Thị Nương		01/01/61		29/11 KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4390	Phan Thị Trúc Thanh		01/01/84	271580944	15/104B Huỳnh Văn Lũy KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4391	Phan Văn Cường	01/01/77			1/1B CMT8, KP5	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4392	Tổng Chí Long	01/01/72			37/11 PCT	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4393	Trần Cao Minh	01/01/94		272449245	163/358 KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4394	Trần Thị Thủy Phượng		01/01/66		79/38 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4395	Trịnh Việt Nguyễn	01/01/67			47/53A Huỳnh Văn Lũy, KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4396	Trương Ngọc Quang	01/01/63			79/9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4397	Võ Thanh Xuân		06/07/89	272119731	223/3 CMT8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4398	Cao Anh Dũng	06/14/57		270642492	47/20A kp2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4399	Hoàng Thị Lệ Hằng			270694335	163/238 kp1 (KP4)	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4400	Hồng Thị Huệ		03/20/40	270067576	79/31 kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4401	Hứa Thị Thủy		01/01/51	270081284	271/22 CMT8	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4402	Lê Thị Thu Hằng		01/01/57		3/5 CMT8, KP5	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4403	Lê Thị Thu Vân		01/01/59	271252259	57 kp1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú	
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19		
4404	216	Lê Văn Điều	01/01/59		272222027	163/97 KP3	NKT nặng là NCT	600.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
4405	217	Lư Sơn	08/03/48		270042308	79/140 kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4406	218	Lý Mỹ Lệ		01/01/57	270067007	79/7 Kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4407	219	Ngô Khắc Đồng	01/01/44		270086889	31A Quang Trung	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4408	220	Ngô Thanh Sơn	01/01/59			163/346, KP2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4409	221	Ngô Thị Sang		01/01/49	270081160	26 Huỳnh Văn Lũy	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4410	222	Nguyễn Thị Trung Thu		01/01/59		271/2 KP5	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4411	223	Nguyễn Trọng Đức	07/29/55		270039427	151 kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4412	224	Nguyễn Văn Mười	01/01/59			79/29 kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4413	225	Nguyễn Văn Nào	01/01/42		272119091	79/70 kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4414	226	Nguyễn Văn Tỷ	01/01/41			15/26A kp2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4415	227	Phan Bình Nam	01/01/55		270039005	9A KP1 Hoàng Minh Châu	NKT nặng là NCT	600.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
4416	228	Trần Thị Út		01/01/57		79/136 Huỳnh Văn Lũy, KP3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
4417	229	Dương Gia Nghi	01/13/11			163/188 kp4	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4418	230	Trần Minh Sáng	01/01/79		271303950	15/45 khu phố 2	Người từ 16 tuổi trở lên bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo	450.000	1.500.000	
4419	231	Mai Gia Bảo	12/11/06			15/83A kp2	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
4420	232	Nguyễn Ngọc Hiếu	09/03/05			15/84A kp2	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
4421	233	Trần Minh Đạt	08/04/05		276057163	15/45 kp2	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
4422	234	Trần Xuân Nghi		12/28/07		15/45 kp2	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
	X. PHUỜNG LONG BÌNH								
4423	1 Hà Thị Nhậm		04/20/58	271461597	89/8 kp2	NCT cô đơn thuộc hộ nghèo từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi	450.000	1.500.000	
4424	2 Nguyễn Thị Huệ		10/16/49	271610952	19B/8 kp2	NCT cô đơn thuộc hộ nghèo từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi	450.000	1.500.000	
4425	3 Nguyễn Thị Tiến		01/01/42	272455957	C158 kp3	NCT cô đơn thuộc hộ nghèo từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi	450.000	1.500.000	
4426	4 Bùi Thị Ga		01/01/35	270452340	45/7 tổ 7 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4427	5 Bùi Thị Hòe		10/10/37		tổ 6A kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4428	6 Bùi Thị Mọi		01/01/25		E325 KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4429	7 Bùi Thị Ngánh		01/01/28	272487996	D206 Tổ 2, KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4430	8 Bùi Thị Tèo		01/01/34		E247 tổ 3A KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4431	9 Cao Thị Đăng		01/01/27	272681242	100 tổ 1 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4432	10 Cao Thị Hiền		01/01/38	272312989	C394 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4433	11 Chu Đình Văn	01/01/38		272378627	A507/3 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4434	12 Chu Thị Lý		01/01/39	272597723	E511 kp5A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4435	13 Chu Thị Thùy		03/26/38	168560486	446/69/49 kp5A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4436	14 Đàm Thị Hải		01/01/34	272662156	16 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4437	15 Đặng Thị Thịnh		01/01/23	140034282	G103Z KP7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4438	16 Đặng Văn Bản	04/14/40		272184985	E933C kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4439	17 Đặng Văn Từ	01/21/38		272637199	607 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4440	18 Đào Thị Năng		01/01/39	272760721	E352 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4441	19 Đào Thị Xuyên		01/01/40	150019735	34D/11 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4442	20 Diêm Thị Giới		01/01/40	272388425	24/105 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4443	21 Đinh Khắc Rạng	01/01/31		160890742	294 tổ 8 Kp5A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4444	22 Đinh Thị Duyệt		01/01/18	271267070	775 tổ 3 KP7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4445	23 Đinh Thị Hòa		01/01/30	161262129	70/7 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4446	24 Đinh Thị Na		04/12/33	160322549	E301 tổ 7 KP5A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4447	25 Đinh Thị Ngo		01/01/28	180328965	156/18 KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4448	26 Đinh Thị Thù		09/04/34	30296019	521/32 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tương Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
4449	27 Đinh Thị Tổng								
4450	28 Đinh Văn Lăng		01/01/30	168521009	83 KP6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4451	29 Đỗ Thị Gián	02/10/35		272895773	173/150 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4452	30 Đỗ Thị Huệ		01/01/31	272437624	99/4 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4453	31 Đỗ Thị Mịch		01/01/30		D648A KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4454	32 Đỗ Thị Quy		01/01/40	272623699	35/18 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4455	33 Đỗ Thị Thảo		01/01/38	272857384	122 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4456	34 Đỗ Văn Trọng		01/01/31		E931 tổ 32 KP5A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4457	35 Đoàn Thị Cúc	01/01/40		272387798	D504B kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4458	36 Đoàn Thị Dang		09/15/39	270111014	94/4 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4459	37 Đồng Thị Con		01/01/26	120545678	A538 tổ 13 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4460	38 Dương Thị Mơ		05/10/34	272778663	A155 tổ 3 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4461	39 Hà Thị Diên		01/01/40	276008564	793 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4462	40 Hà Thị Màng		07/01/37	182054760	11/5A kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4463	41 Hà Thị Thiết		01/01/29		E175C T063, KP5A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4464	42 Hồ Quang Thành		01/02/40	272448424	521/87/30 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4465	43 Hồ Thị Túc	01/31/40		31/01/1940	123 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4466	44 Hồ Thị Vân		06/09/32		E824 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4467	45 Hoa Thị Mai		01/01/39	272224995	D489 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4468	46 Hoàng Đình Khiêm		01/25/38	272548846	102/21/27 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4469	47 Hoàng Ngọc Chân	01/01/32		272530817	457D KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4470	48 Hoàng Thị Dinh	01/01/38		272548851	59/3 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4471	49 Hoàng Thị Do		01/01/39	360436917	521/87/25/6 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4472	50 Hoàng Thị Khải		01/01/33	272207327	A769 tổ 18 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4473	51 Hoàng Thị Minh Khai		01/01/39	270781955	D691A kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4474	52 Hoàng Thị Nga		08/12/39	272749304	B752 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4475	53 Hoàng Thị Tưng		01/01/36	272584700	D703 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4476	54 Hoàng Văn Bình		05/18/38	272372629	d435 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4477	55 Hương Thị Ngọc	05/03/35		272740843	E315 kp5A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4478	56 Huỳnh Thị Cơ		01/01/35	271002871	21A tổ 8 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4479	57 Huỳnh Thị Cúc		07/20/34	272432480	D898 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
			01/01/31	G55 KP7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000		

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
4480	Lại Thị Ngọc		01/01/32		E186 tổ 3 KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4481	Lê Khiêm	01/01/27		272729305	E210 tổ 4 KP5A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4482	Lê Thị Bốn		01/01/37	272489170	63/2 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4483	Lê Thị Gấm		01/01/28		D381 tổ 7 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4484	Lê Thị Hương		01/01/38	272683021	E177 kp5A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4485	Lê Thị Khuyên		01/01/27		521/83/144 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4486	Lê Thị Kim Liên		01/01/39	350311510	235/80/11 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4487	Lê Thị Lam		05/05/39	272783600	E315 kp5A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4488	Lê Thị Lữ		05/10/39	170427126	843/91 kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4489	Lê Thị Tách		01/01/40	272099091	A475 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4490	Lê Thị Tần		05/04/33	180820179	07/B4 tổ 1A kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4491	Lê Thị Thoa		01/01/28		G67 tổ 2 kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4492	Lê Thị Triêm		04/04/34		370A tổ 4 KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4493	Lê Thị Tỷ		01/01/35	272709806	27/16 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4494	Lê Thị Ứng		01/01/35		E287 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4495	Lê Thị Vui		06/08/39	273430446	5F/7 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4496	Lê Trí Tuệ	01/01/40		272032257	E22 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4497	Lương Thị Sen		01/01/29	272466845	82/1 KP8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4498	Lý Thị Tuyết		10/11/38		15 tổ 14 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4499	Mai Quang Thám				A99/14 tổ 1 KP7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4500	Mai Thị Huệ		01/01/35		51/5 tổ 5 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4501	Mai Thị Thuờng		01/01/32	272463730	695N KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4502	Mai Thị Văn		06/05/37	270486775	61, KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4503	Mai Tre			270122790	11 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4504	Mai Văn Vĩnh	02/05/38		272508118	43 tổ 3 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4505	Ngô Thị Giảng	01/01/37		272557945	Tổ 34 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4506	Ngô Thị Lạc		01/01/32		E458 tổ 15 KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4507	Ngô Thị Nhung		10/21/37		A789 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4508	Ngô Thị Sâm	06/08/37		270475472	E198, KP5A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4509	Nguyễn Thị Ngọc		01/01/40	120545442	A357 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4510	Nguyễn Cao Ngoan	10/04/37		272128962	44 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4511	Nguyễn Đức Tỉnh	06/15/33		272272066	E146 KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4512	Nguyễn Hữu Lương	05/01/36		272151363	Tổ 22 kp12	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
4513	91 Nguyễn Thành Long	01/01/35		272669526	87/7 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4514	92 Nguyễn Thị Âu		01/01/40	272548914	56/2 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4515	93 Nguyễn Thị Bảo		01/01/33		36 tổ 2 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4516	94 Nguyễn Thị Bé		10/10/33	270561094	14/16, kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4517	95 Nguyễn Thị Bé		01/01/26	272357828	D360 tổ 3 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4518	96 Nguyễn Thị Bộ		01/01/34		A373 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4519	97 Nguyễn Thị Cánh		12/12/39	180392188	E627 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4520	98 Nguyễn Thị Châu		02/20/30	180726901	51/13 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4521	99 Nguyễn Thị Chinh		01/01/40	272546895	E210 tổ 4 KP5A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4522	100 Nguyễn Thị Cúc		01/01/39	270406211	173/186 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4523	101 Nguyễn Thị Đào		01/01/25	272576571	21/19 tổ 19 KP8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4524	102 Nguyễn Thị Định		08/05/38	272750133	E905A kp5A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4525	103 Nguyễn Thị Do		01/01/38	120515411	E831A kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4526	104 Nguyễn Thị Đông		01/01/40	272032258	E22 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4527	105 Nguyễn Thị Dung		01/01/30	130455917	D605B kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4528	106 Nguyễn Thị Hanh		01/01/38	272646638	235/53 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4529	107 Nguyễn Thị Hiền		01/01/25	272239770	29/20 KP8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4530	108 Nguyễn Thị Hiền		01/01/27		2/54 tổ 16 KP6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4531	109 Nguyễn Thị Hòa		01/01/35	272271921	40/13 tổ 13 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4532	110 Nguyễn Thị Hòe		01/01/36	272099289	C50, tổ 1, KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4533	111 Nguyễn Thị Hoi		01/01/39	121413826	47A/5 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4534	112 Nguyễn Thị Hồng		09/10/29		D621/3 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4535	113 Nguyễn Thị Hồng		01/01/38	270145778	10/4 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4536	114 Nguyễn Thị Hốt		08/05/37	272929711	E585A tổ 5 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4537	115 Nguyễn Thị Huệ		01/01/36		91/6A kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4538	116 Nguyễn Thị Hương		08/01/35		C485B, tổ 17, KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4539	117 Nguyễn Thị Lâm		01/01/38	272998824	D764 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4540	118 Nguyễn Thị Lê		270041285	249 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000		
4541	119 Nguyễn Thị Lâm		01/01/32	272286652	E563A KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4542	120 Nguyễn Thị Lâm								
4543	121 Nguyễn Thị Lâm								
4544	122 Nguyễn Thị Lâm								

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
4545	Nguyễn Thị Lan		01/01/40	272899664	84/7 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4546	Nguyễn Thị Liễu		01/01/31		D620A Kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4547	Nguyễn Thị Loan		01/01/34	272600680	D319B Kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4548	Nguyễn Thị Lợi		01/01/32	240430088	40/2 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4549	Nguyễn Thị Luyến		01/01/34	360445097	D439 Kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4550	Nguyễn Thị Luyến		01/01/37	272616099	101/215/14 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4551	Nguyễn Thị Ly		01/01/38	272759863	E565A kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4552	Nguyễn Thị Lý		01/01/38		E831 kp5A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4553	Nguyễn Thị Mùi		01/01/34	272507994	457D KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4554	Nguyễn Thị Nét		01/02/34	272438823	32/3 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4555	Nguyễn Thị Nghi		11/27/33	270486836	30/8A tổ 22 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4556	Nguyễn Thị Nguyễn		01/01/20		C258 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4557	Nguyễn Thị Nhân		02/06/35		54/2 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4558	Nguyễn Thị Niệm		10/01/36	183849144	547/42 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4559	Nguyễn Thị Nờ		01/01/22	161239268	46/8A KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4560	Nguyễn Thị Nữ		01/01/33	272557596	44 Kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4561	Nguyễn Thị Quy		01/01/31		G34 KP7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4562	Nguyễn Thị Sách		01/01/35	272649249	A383 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4563	Nguyễn Thị Sen		01/01/39	160703044	D157 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4564	Nguyễn Thị Sen		03/10/31	270149579	12/3 KP6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4565	Nguyễn Thị Sừ		01/01/34	272665171	4 3kp5A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4566	Nguyễn Thị Tân		04/05/37	272376347	17B tổ 8, KP6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4567	Nguyễn Thị Thạc		01/01/27	120623307	A658 tổ 14 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4568	Nguyễn Thị Thắm		04/23/35	272326832	28/22 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4569	Nguyễn Thị Thanh		10/15/37	272577878	59/6A kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4570	Nguyễn Thị Thay		01/01/37	272099849	75/26/14 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4571	Nguyễn Thị Thi		01/01/40	272857444	94 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4572	Nguyễn Thị Thiêm		01/01/29	272289446	A342 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4573	Nguyễn Thị Thơ		01/01/34		446/69/43 kp5A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4574	Nguyễn Thị Thoi		01/01/29	272389175	799/14 tổ 1 KP7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4575	Nguyễn Thị Thơm		04/05/36		E364 tổ 13 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4576	Nguyễn Thị Thông		10/05/34		02/5 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4577	Nguyễn Thị Thông		07/10/36	120209150	E916 tổ 39 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
4578	156	Nguyễn Thị Thu Huyền							
4579	157	Nguyễn Thị Thuần		01/01/36	8/18, tổ 18, kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
4580	158	Nguyễn Thị Tình		01/01/27	45C, KP6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4581	159	Nguyễn Thị Trí		02/18/35	213A T5 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4582	160	Nguyễn Thị Tươi		01/01/24	127E kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4583	161	Nguyễn Thị Từ		01/01/30	A305 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4584	162	Nguyễn Thị Tuấn		01/01/40	79/7 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4585	163	Nguyễn Thị Tươi		01/01/34	A522 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4586	164	Nguyễn Thị Tường		04/09/37	92A tổ 1 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4587	165	Nguyễn Thị Tuyết		02/12/40	A332, KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4588	166	Nguyễn Thị Tỷ		04/15/34	E38 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4589	167	Nguyễn Thị Tỷ		02/14/40	KP6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4590	168	Nguyễn Thị Vân		04/10/38	44 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4591	169	Nguyễn Thị Vân		05/10/33	33/21/33 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4592	170	Nguyễn Thị Vòng		01/01/25	E146 KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4593	171	Nguyễn Thị Xuân		01/01/29	E293 tổ 8 KP5A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4594	172	Nguyễn Thị Ý		01/01/38	34/8A tổ 23 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4595	173	Nguyễn Trọng Hy		10/08/35	E831 kp5A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4596	174	Nguyễn Trọng Mẫn		01/01/34	A342, tổ 9C, KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4597	175	Nguyễn Văn Cao		01/01/39	24/105 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4598	176	Nguyễn Văn Cử		01/01/40	240C kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4599	177	Nguyễn Văn Cử		09/25/39	D336 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4600	178	Nguyễn Văn Đạo		01/01/24	35/18 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4601	179	Nguyễn Văn Dầu		03/20/34	C398 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4602	180	Nguyễn Văn Diễm		12/15/36	79 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4603	181	Nguyễn Văn Hòa		01/01/32	A601 tổ 15 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4604	182	Nguyễn Văn Học		01/01/32	4/2 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4605	183	Nguyễn Văn Hương		01/01/36	G55 KP7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4606	184	Nguyễn Văn Khoát		01/01/39	E626, KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4607	185	Nguyễn Văn Lương		01/01/37	21/13 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4608	186	Nguyễn Văn Mạnh		01/01/30	C378 tổ 4 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
				270555458	79/7 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
4609	187	Nguyễn Văn Miên	01/01/27	272369311	23/6A KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4610	188	Nguyễn Văn Minh	01/01/31	271940667	192 tổ 5 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4611	189	Nguyễn Văn Quang	01/01/33	272436536	28/8 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4612	190	Nguyễn Văn Quỳnh	10/08/33	360462073	20/6 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4613	191	Nguyễn Văn San	01/09/40	141256035	tổ 32 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4614	192	Nguyễn Văn Sơ	01/01/28		Tổ 14	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4615	193	Nguyễn Văn Thảo	08/15/37	272369078	E406 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4616	194	Nguyễn Văn Thi	01/01/37	270149574	D157 tổ 4 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4617	195	Nguyễn Văn Vy	03/12/39	270104430	E879 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4618	196	Nguyễn Văn Xuân	01/01/36	161369065	58, kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4619	197	Nguyễn Vũ Chi	01/01/35	272697772	E529B kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4620	198	Nguyễn Xinh	02/14/40	272779638	33/118 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4621	199	Nguyễn Xuân Tiến	11/15/37	272680342	E489 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4622	200	Ninh Phú Túc	01/01/23	164028304	37/2 tổ 3 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4623	201	Phạm Chiêm	01/01/35	360433718	E726 tổ 5A kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4624	202	Phạm Đình Tuyên	10/12/39	272069389	E170 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4625	203	Phạm Đức Thọ	07/10/35		C153 tổ 4 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4626	204	Phạm Quang Hưng	01/01/40	272463298	14/6A kp2A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4627	205	Phạm Thị Ca		360462504	C248 tổ 3 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4628	206	Phạm Thị Cón	01/01/22		419 KP11	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4629	207	Phạm Thị Hương	01/01/37	360462378	10/13 tổ 21, KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4630	208	Phạm Thị Lân	01/01/33	140505014	44B KP6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4631	209	Phạm Thị Mận	04/04/30		kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4632	210	Phạm Thị Năm	01/01/39	272099705	D444 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4633	211	Phạm Thị Thìn	01/01/30	150257407	24/52 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4634	212	Phạm Thị Thu	01/01/38	272463191	E445B kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4635	213	Phạm Thị Thu	01/01/37	271961407	G136Z tổ 9 kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4636	214	Phạm Thị Tý	08/15/34		92/6A kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4637	215	Phạm Thị Vàn	01/01/34	272222367	C370 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4638	216	Phạm Thị Viết	01/01/25	171047078	15/B1 tổ 1A KP7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4639	217	Phạm Văn Kiến	01/01/25	272717051	G09 kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4640	218	Phạm Văn Vỹ	01/01/36		E177 tổ 1 kp5A	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
4673	Trần Văn Hai	04/27/39		272445927	F36 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4674	Trần Văn Hoàng	01/01/40		272123913	21/6A kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4675	Trần Văn Khoát	08/10/39		271872792	21B/15 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4676	Trần Văn Kiên	01/02/35		272748861	122 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4677	Trần Vũ Hoài	01/10/31		272779716	49/5 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4678	Triệu Thị Hồng		01/01/33	272536753	G286 KP7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4679	Trịnh Thị Phương		01/01/35		E287 kp5 tổ 8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4680	Trịnh Thị Xuân		01/01/25		78/4 tổ 4 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4681	Trịnh Văn Đoàn	01/01/37			235/53 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4682	Trịnh Văn Quyết	01/01/30		272508048	E287A Kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4683	Trịnh Văn Thắng	01/01/30		272376750	65/7 tổ 15 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4684	Trương Thị Bích		02/12/35	181203239	D547 tổ 12 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4685	Trương Thị Diệp		03/11/35		32A/6A kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4686	Võ Thị Sứ		09/05/34	181102870	E468 tổ 4 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4687	Võ Thị Thúy		12/12/37	276029084	A512/3 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4688	Võ Văn Quyên	01/01/33		272248981	38/6A KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4689	Vũ Hồng Hải	20/4/1940		272799462	A200 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4690	Vũ Thị Chất		01/01/35	272501530	49F1 tổ 3 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4691	Vũ Thị Chích		01/01/20	140473304	399 tổ 5 KP 7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4692	Vũ Thị Ký		01/01/27	272530893	E637 KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4693	Vũ Thị Lựu		05/17/38	140583875	A688 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4694	Vũ Thị Mỹ		01/01/20	280232835	51 tổ 13 KP8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4695	Vũ Thị Năm		03/08/40	272433421	D767 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4696	Vũ Thị Nhuận		01/01/35	272099185	C213 tổ 2 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4697	Vũ Thị Nữ		01/01/35		84/6A kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4698	Vũ Thị Sáu		01/01/29	272669710	G249 KP7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4699	Vũ Thị Thâm		08/18/29	272717052	G09 kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4700	Vũ Thị Thanh		05/05/35	272311629	57/5 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4701	Vũ Thị The		04/08/35	160831583	G97Z kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4702	Vũ Thị Thìn		01/01/32	272466898	Tổ 14 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4703	Vũ Văn Nhuệ	01/01/37		271919144	C40 tổ 1 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú	
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19		
4704	282	Ngô Thị Lành		03/19/81	272357332	27/2 tổ 19 kp6	Người đơn thân nghèo đang nuôi từ 02 con trở lên	600.000	1.500.000	
4705	283	Phạm Thị Nụ		02/02/78	272768521	G09 kp7	Người đơn thân nghèo đang nuôi từ 02 con trở lên	600.000	1.500.000	
4706	284	Bùi Hoàng Long	12/12/98		272781827	D655A tổ 14 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4707	285	Bùi Nguyễn Trọng Hoàng	01/01/94			21/24 KP8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4708	286	Bùi Thị Kim		01/01/67		12 tổ 7 KP8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4709	287	Bùi Võ Thảo Linh		01/31/02		Tổ 31 KP7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4710	288	Cao Kim Dung		12/04/89	262283433	96/6A kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4711	289	Chu Ngọc Đạt	01/01/82		121428507	102/46/13B tổ 20 kp5	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4712	290	Chu Thị Hằng		08/26/86		E661A kp5	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4713	291	Chu Thị Hồng		04/28/95	272455299	99B kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4714	292	Đàm Hữu Đồng	01/01/95			Tổ 38 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4715	293	Đặng Hải Hoàng Anh	01/01/90			13/8 tổ 8 KP6	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4716	294	Đào Văn Nguyễn	01/01/67			G51/5 tổ 17 KP7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4717	295	Đinh Thanh Luân	01/01/96			A685 tổ 16A KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4718	296	Đinh Văn Toàn	01/01/67		161990210	521/80/40 tổ 14 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4719	297	Đỗ Hữu Hoàng	01/01/96			2/87C tổ 17 KP6	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4720	298	Đoàn Huy Diện	01/01/90		272345938	100 tổ 17 KP6	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4721	299	Đoàn Thị Hoi		01/01/86	271826060	E484/56 tổ 29 KP5A	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4722	300	Dương Thị Thanh Thảo		01/01/89		G35 tổ 18 KP7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4723	301	Dương Văn Hiếu	01/01/93		272369970	Tổ 1 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4724	302	Hàn Thị Thùy Dung	01/01/95		272448759	50D KP6	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4725	303	Hoàng Diệu Linh		10/20/94		1423/123/6 KP7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4726	304	Hoàng Đức Trọng	06/01/01			873A KP8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4727	305	Hoàng Thị Viên		01/01/84	272329679	D544 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4728	306	Huỳnh Thị Huệ		01/01/64	272428802	D368 tổ 8 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
4729	Lại Hữu Ngọc	01/01/92			40A/6A tổ 16 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4730	Lê Anh Tuấn	01/01/04			218 tổ 38 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4731	Lê Hồng Nga		08/03/98	272738878	tổ 40A kp5A	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4732	Lê Ngọc Anh		10/09/00		C69C tổ 3 kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4733	Lê Nguyễn Thùy Linh		01/01/04		1/6A tổ 21 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4734	Lê Nhật Hào	01/01/04			Tổ 37 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4735	Lê Thị Cúc		01/01/90	272529632	E383A tổ 12 KP5	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4736	Lê Thị Thảo		01/01/87	272726550	22/62 tổ 18 KP5	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4737	Lê Văn Thành	09/20/83		272807668	tổ 41 kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4738	Lương Thị Hào		01/01/88		C416 Kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4739	Mai Duy Tùng	03/27/90			82/1 kp8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4740	Mai Hòa Hiệp	01/01/92			6 tổ 12 KP6	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4741	Mai Hữu Sơn	01/01/63		270467095	32 tổ 25 KP8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4742	Mai Thị Diệu My	01/01/89			312A tổ 6 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4743	Mai Trâm Anh		01/01/01		431 tổ 38 KP5A	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4744	Nguyễn Anh Tùng	01/01/03			33/142 tổ 26 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4745	Nguyễn Bàn	01/01/96			12/2 tổ 15 KP6	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4746	Nguyễn Bình		01/01/79		D326 tổ 9 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4747	Nguyễn Đình Hiệp	01/01/99		272794390	33/11 tổ 6 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4748	Nguyễn Đức Phong	09/14/66			E88A kp5	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4749	Nguyễn Duy Trường	01/01/92		272388869	Tổ 1 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4750	Nguyễn Hoàng Quân	11/25/91		272576866	34/12 KP8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4751	Nguyễn Hoàng Yến Nhi		01/01/03		Tổ 11 KP7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4752	Nguyễn Khắc Luận	01/01/91			A545 tổ 14 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4753	Nguyễn Phan Ngọc Bích		01/01/94		40/8A tổ 29 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4754	Nguyễn Thanh Dũng	01/01/82			G547 tổ 8 KP7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4755	Nguyễn Thanh Khiêm	01/01/88			E471B tổ 12 kp5A	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	



Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
4756	334 Nguyễn Thế Anh	06/17/01			10/86 tổ 4 KP6	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4757	335 Nguyễn Thế Tuyên	06/06/63			E571A kp5	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4758	336 Nguyễn Thị Bích			272309801					
4759	337 Nguyễn Thị Bưởi		01/01/81	272417893	521/93 tổ 12 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4760	338 Nguyễn Thị Cúc		03/08/86	271990440	C399A kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4761	339 Nguyễn Thị Dung		01/01/99		Tổ 31 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4762	340 Nguyễn Thị Lan Quynh		07/29/95	272445996	D575 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4763	341 Nguyễn Thị Minh Ngọc		01/01/96		654, KP5	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4764	342 Nguyễn Thị Mỹ An		08/09/00		D199 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4765	343 Nguyễn Thị Mỹ Hạnh		01/01/85		G53B tổ 28 KP7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4766	344 Nguyễn Thị Nga		01/01/86	272561972	33/176	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4767	345 Nguyễn Thị Thanh Thủy		09/17/95	272616347	Tổ 36 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4768	346 Nguyễn Thị Thảo Vân	01/01/89			66/7 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4769	347 Nguyễn Thị Thu	01/01/00			A773 tổ 18 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4770	348 Nguyễn Thị Tuyết Liễu	08/20/95		272329681	E374 kp5	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4771	349 Nguyễn Văn Ân	08/15/60			E271 tổ 19 KP5	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4772	350 Nguyễn Vĩnh Huy	01/01/83			106A tổ 29 kp8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4773	351 Nguyễn Vương	07/12/86			A202 tổ 3 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4774	352 Nguyễn Xuân An	01/01/03		272535948	Tổ 17 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4775	353 Nguyễn Xuân Hiền	05/17/99			1423/19/15 tổ 20 KP7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4776	354 Ninh Đức Nam	01/01/03			646A tổ 14 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4777	355 Phạm Đức Dũng	07/24/88		272507865	86 tổ 24 KP5	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4778	356 Phạm Ngọc Hương	07/14/63		020972254	856 tổ 39 KP8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4779	357 Phạm Nguyễn Quỳnh Anh	01/01/04			68A/2 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4780	358 Phạm Phi Phong	07/07/60			3/5 tổ 5 KP8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4781	359 Phạm Thắng	09/15/82			C22/1 tổ 1 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4782	360 Phạm Thị Lan	01/01/62		271576943	173/186 kp8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4783	361 Phạm Thị Phương	06/04/94		272807832	E273. Kp5	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4784	362 Phạm Thị Yên Phương	10/18/83		272916479	1263 kp7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
					Tổ 36 KP8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
4785	Phạm Văn Dương	01/01/73			10 tổ 3 KP5	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4786	Phạm Văn Duy	19/01/1999			tổ 27 kp6	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4787	Phan Thị Út Tám		01/01/63		G276 KP7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4788	Quản Ngọc Minh	01/01/03			32 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4789	Tạ Thanh Loan		11/22/68	273471796	101/92/4 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4790	Tạ Thị Thúy Nga		01/01/89		56 KP6	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4791	Thái Dương Hùng	01/01/73		351769347	521/87/36 tổ 14 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4792	Thân Văn Hạnh	01/01/83		272205402	E463C tổ 20 KP5	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4793	Thiều Đình Quý		08/24/70	172870742	tổ 16A kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4794	Trần Nhật Thảo		08/28/97	272557421	E886 tổ 25 kp5	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4795	Trần Quang Anh	01/01/01			23/3 tổ 3 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4796	Trần Thị Anh		01/01/93	272337714	tổ 8 KP7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4797	Trần Thị Ánh		12/07/61		101/115/3 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4798	Trần Thị Diệu		04/06/84		C83B kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4799	Trần Thị Hà Mộng Dung		01/01/82		C256 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4800	Trần Thị Lệ Thu		03/03/75	272546902	D27 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4801	Trần Thị Ngọc Bích		01/01/76	272568504	E170A tổ 7 KP5	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4802	Trần Thị Ngọc Yến		01/25/04		39/8 tổ 24 kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4803	Trần Thị Thủy Loan		01/01/97		D387 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4804	Trần Thị Thùy Trang		11/11/95	272536232	27/22 KP8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4805	Trần Thiên Ân	01/01/00			33/223 tổ 28 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4806	Trần Thiên Bảo	09/24/03			D388 Tổ 3 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4807	Trần Văn Đông	04/02/67		271610491	G50 kp7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4808	Trần Văn Này	01/01/68		272783858	D209C KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4809	Trần Văn Trại	08/21/67		272436966	A746 tổ 17B kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4810	Trần Văn Tường	01/01/62			1229/3/6 kp7A	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4811	Triệu Hoài Thương	01/01/04			91A/8 tổ 33 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4812	Triệu Minh Nhật	01/01/95			45/6A KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú	
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19		
4813	391	Trịnh Trà My		06/20/82	271842643	tổ 8 kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4814	392	Trương Thị Liên		01/01/04		D578B KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4815	393	Từ Hữu Mạnh		01/01/90	272372832	122/4/26 tổ 32 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4816	394	Từ Thị Tuyết Thương		01/01/98		D679A tổ 15 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4817	395	Võ Công Đức		02/09/71	191326146	E918A KP5	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4818	396	Vũ Đình Huỳnh		01/01/96		39B tổ 6 KP8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4819	397	Vũ Duy Hòa		01/01/63		E471 KP5	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4820	398	Vũ Hoàng Sơn		05/25/69	272078596	749 kp8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4821	399	Vũ Huy Hoàng		01/01/98		167/22 tổ 23 KP5A	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4822	400	Vũ Phi Phụng		10/18/71	270949953	D27 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4823	401	Vũ Thanh Sang		01/01/03		E650A tổ 32 KP5A	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4824	402	Vũ Thị Bích Anh		01/01/73		E665A tổ 17 KP5A	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4825	403	Vũ Thị Huệ		01/01/76	272856288	25/13 tổ 13 KP8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4826	404	Vũ Thị Huệ		01/01/76	272477906	433 Tổ 7 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4827	405	Vũ Tiến Dũng		01/01/73		H425 kp8A	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4828	406	Vũ Văn Đức		02/18/98		64/8 T31 kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4829	407	Vũ Văn Nam		02/08/89	272815156	G134 tổ 6 KP7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4830	408	Bùi Bằng Toàn		01/01/85	271711583	65/6A kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4831	409	Bùi Ngọc Hà		04/25/47	272239263	A358 kp1	NKT đặc biệt nặng	750.000	1.500.000	
4832	410	Bùi Thị Diệp		03/01/59	270452074	214 tổ 14 KP5A	NKT đặc biệt nặng	750.000	1.500.000	
4833	411	Chu Tự Điền		01/01/51	272026418	kp1	NKT đặc biệt nặng	750.000	1.500.000	
4834	412	Đặng Thị Thía		05/19/57	272783954	101/7/62 kp4	NKT đặc biệt nặng	750.000	1.500.000	
4835	413	Đào Thị Quyên		01/01/31		36E kp6	NKT đặc biệt nặng	750.000	1.500.000	
4836	414	Đào Thị Tuyết		09/10/50	272848193	G51/5 tổ 17 KP7	NKT đặc biệt nặng	750.000	1.500.000	
4837	415	Đào Thị Vinh		01/01/56	272805268	136/15 kp2	NKT đặc biệt nặng	750.000	1.500.000	
4838	416	Đầu Thị Mẫn		03/07/55	033155001754	D475 KP4	NKT đặc biệt nặng	750.000	1.500.000	
4839	417	Đinh Văn Lạc		01/01/45	272437621	C386 tổ 16 Kp3	NKT đặc biệt nặng	750.000	1.500.000	
4840	418	Đỗ Thị Tót		01/01/31	272099084	E256A kp5	NKT đặc biệt nặng	750.000	1.500.000	
				04/10/47	272926515					

Page 185 of 592

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
4841	Dương Thiêm Quyết		06/01/52	272926281	tổ 18A kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4842	Hoàng Thị Bàn		18/3/1952	276071719	481/33 kp6	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4843	Lại Xuân Thành	01/01/27		272487056	E269 KP5A	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4844	Lê Đình Bình	05/10/39		170781856	D691A kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4845	Lê Thị Giấy		07/19/56	270388788	tổ 18A kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4846	Lê Thị Quỳnh		10/10/56	272079729	521/87/12 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4847	Mai Khả Bầy	01/01/58			G252B tổ 1 kp7	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4848	Ngô Văn Đoàn	04/09/57		272875398	281/40/16 kp8	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4849	Nguyễn Quang Vinh	01/10/58			E458B kp5	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4850	Nguyễn Thế Năng	01/01/37		272099520	C360 KP3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4851	Nguyễn Thị Kính		01/01/48	270684386	21 kp8	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4852	Nguyễn Thị Liệt		06/02/42	120553834	136/52 kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4853	Nguyễn Thị Mến		01/01/32	272688311	38 tổ 2 KP3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4854	Nguyễn Thị Nhung		10/05/49	272099855	E665A kp5A	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4855	Nguyễn Thị Tàn		01/01/52	272345817	G27 KP7	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4856	Nguyễn Thị Thanh		01/01/46	270131608	122/10 tổ 10 KP2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4857	Nguyễn Thị Thanh		10/12/52	183952659	268E kp5	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4858	Nguyễn Thị Thất		01/01/42	271953656	37/7 kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4859	Nguyễn Thị Thò		01/01/29	160731829	34 tổ 2 KP3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4860	Nguyễn Thị Tin		02/20/35	270607820	14 kp8	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4861	Nguyễn Văn Cừu	01/02/32		272438825	32/3 Kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4862	Nguyễn Văn Thông	01/01/36		272099856	D531 tổ 11 kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4863	Nguyễn Văn Thứ	09/02/50		272717587	E924C kp5A	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4864	Phạm Bá Mẫn	01/01/52		011404922	G23 tổ 27 KP7	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4865	Phạm Đức Vinh	06/10/55		272388148	A187/5 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4866	Phạm Như Duyệt	01/01/56			98/6A KP2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4867	Phạm Thị Huệ		01/01/48	272889388	D230A tổ 5A kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4868	Phạm Văn Hường	01/01/30			C59B tổ 1 KP3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4869	Phạm Văn Phiêu	01/01/49		272815193	32/11 kp8	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4870	Phan Ngọc Quân	01/01/58		271976017	D609 Kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4871	Thạch Xuân Hải	09/14/45		272748581	E394A kp5	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
4872	Trần Đức Long	01/01/60		272584050	211/36 tổ 19 KP8	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4873	Trần Thị Hồng		05/01/31	036131000135	A717 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4874	Trần Thị Kim Liên		01/01/38	272815833	D253 tổ 6 kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4875	Trần Thị Lệ Khánh		20/12/1956	272299349	D634 kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4876	Trần Thị Mít		01/01/25	272638622	D472 KP4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4877	Trần Thị Nụ		01/01/59		F879 kp5A	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4878	Trần Thị Thắm		09/16/47	271961547	D340 kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4879	Trần Thị Tươi		01/01/55	272638989	43 kp8	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	500.000	Chết T4/2020
4880	Trần Văn Toàn	03/20/52			E205 KP5	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4881	Vũ Thị Chung		01/01/47	272156510	45/13 tổ 13 kp8	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4882	Vũ Thị Huệ		01/01/45		D395A tổ 8 kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4883	Vũ Thị Lái		01/01/44	272099859	E895A KP5	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4884	Vũ Trí Đông	02/06/60			D560 tổ 18 kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4885	Bùi Lan Anh		02/26/06		20 tổ 8 KP8	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4886	Bùi Như An		09/30/15		729 kp3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4887	Bùi Thị Hải Yến		07/24/17		tổ 14 kp8	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4888	Cao Lê Hải Quân	01/01/08			84A KP4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4889	Cao Minh An	07/24/11			20/9 tổ 9 KP8	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4890	Chức Lê Như Quỳnh		05/07/07		E945A tổ 28 kp5A	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4891	Đặng Tổng Quỳnh Như		01/01/08		171/1/19T KP8	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4892	Đào Ngọc Nhiền		07/24/11		12/3 KP6	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4893	Đào Ngọc Tú Uyên		01/28/14		E228C kp5	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4894	Đinh Công Nam	10/08/07			D700A KP4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4895	Đinh Đức Kiên	11/26/14			173/1/17T kp8	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4896	Đinh Đức Toàn	06/10/06			173/1/17 KP8	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4897	Đinh Gia Phúc	01/01/06			C127B tổ 7 KP3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4898	Đinh Ngọc Khánh Linh		07/24/12		C127B tổ 2 KP3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4899	Đinh Nguyễn Minh Thư		08/22/10		386, KP3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4900	Đinh Quốc Vương	03/13/07			38 kp5A	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4901	Đinh Thị Ngọc Liễu		01/01/07		D209A tổ 9 KP4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
4902	Đỗ Hoàng Anh	02/13/07			167/41 tổ 22 KP5A	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4903	Đỗ Trần Thanh Bình	06/13/07			16E tổ 7 kp5	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4904	Dương Bảo Ngọc		03/02/06		E551A, KP5	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4905	Hoàng Bảo Hân		04/25/12		tổ 30 kp8	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4906	Khổng Thành Công	04/23/13			D618C tổ 13 kp4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4907	Lê Bích Tuyền		12/18/12		101/226A kp4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4908	Lê Đức Mạnh	11/15/13			Tổ 6 kp1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4909	Lê Minh Ngọc		09/19/06		353/6 kp6	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4910	Lê Minh Phương	07/05/04			38A/8 tổ 31 KP2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4911	Lê Thị Ngọc Ánh		02/18/06		58 KP7	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4912	Lưu Thị Thu Thảo		03/05/02		25 KP5A	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4913	Mai Ngọc Lan		10/02/08		13/23 KP8	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4914	Mai Quỳnh Như		11/30/10		55A kp4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4915	Ngô Bảo Phúc Thiên	01/03/12			E170 kp5	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4916	Nguyễn Bảo Trí	10/22/15			D392 tổ 8 kp4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4917	Nguyễn Đức Anh Tuấn	01/01/09			72/4 Kp2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4918	Nguyễn Duy Minh Học	05/03/14			tổ 13 kp7	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4919	Nguyễn Gia Tùng	01/01/06			4 tổ 23 KP6	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4920	Nguyễn Hoàng Anh	08/17/16			125 tổ 1 kp5	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4921	Nguyễn Khắc Tiến Đạt	02/02/12			D711 KP4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4922	Nguyễn Kim Tuấn Anh	11/02/10		111534412	4B/7, tổ 25, KP2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4923	Nguyễn Minh Thư		03/03/11		13/13 tổ 13 KP8	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4924	Nguyễn Ngọc Anh Vũ	11/13/08			tổ 18B kp1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4925	Nguyễn Ngọc Linh		12/06/05		A416 KP1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4926	Nguyễn Ngọc Mai Phương		05/18/10		tổ 41 kp2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4927	Nguyễn Ngọc Trâm Anh		06/20/16		88/7 tổ 30 kp2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4928	Nguyễn Phạm Tấn Đạt	04/17/14			C51C kp3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4929	Nguyễn Quyết Thắng	05/02/05			1023/89 tổ 16 KP7	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4930	Nguyễn Tấn Đạt	02/07/15			tổ 19 kp8A	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
4931	509 Nguyễn Tấn Phúc	10/24/08			E462 kp5	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4932	510 Nguyễn Thành Trung	01/01/09			E666 KP5	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4933	511 Nguyễn Thị Hoàng Yến		07/02/11		tổ 21 kp5	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4934	512 Nguyễn Thị Thùy Vân		01/01/06		A733 tổ 18 KP1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4935	513 Nguyễn Thị Tố Tâm		12/27/15		481/131A/7 kp6	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4936	514 Nguyễn Thị Trâm Anh		08/13/10		A341/1 KP1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4937	515 Nguyễn Thủy Hiền		01/01/06		646A tổ 14 KP4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4938	516 Nguyễn Trần Tiến Dũng	05/15/08			D220/8 kp4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4939	517 Nguyễn Trần Trà My		03/03/12		tổ 18A kp1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4940	518 Nguyễn Từ Tâm	11/30/17			69BT7 kp6	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4941	519 Nguyễn Vũ Hoài An		07/07/13		94/8 kp2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4942	520 Phạm Minh Huy	08/26/10			E177A tổ 3 KP5	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4943	521 Phạm Thiên Bảo	01/01/09			C269 KP3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4944	522 Phạm Vũ Minh Hoàng	03/21/11			tổ 15 kp6	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4945	523 Phan Nguyễn minh Thuận	02/26/13			521/87/21/1 kp1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4946	524 Phùng Thị Mỹ Uyên		01/01/07		E362B tổ 13 KP5	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4947	525 Tạ Quốc Khang	01/01/07			D205 KP4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4948	526 Trần Đỗ Đình Anh	09/02/11			D617 tổ 13 kp4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4949	527 Trần Huy Chương	01/01/05			142A tổ 4 kp1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4950	528 Trần Quốc Thắng	01/01/05			E927 KP5	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4951	529 Trần Tiến Minh	04/12/12			A181 tổ 6 kp1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4952	530 Triệu Minh Vũ	01/01/05			45/6A KP2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4953	531 Võ Hoàng Long	01/01/07			415 KP5	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4954	532 Vũ Trần Trà My	12/01/11			33/110 kp2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4955	533 Bùi Mai Anh Đào	01/01/91			715D tổ 14 KP4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4956	534 Bùi Ngọc Tú	02/16/84			D170 tổ 2 KP4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4957	535 Bùi Thị Hằng	05/05/86			799/61/17/36 KP4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4958	536 Bùi Thị Khánh Linh	01/01/97			27/11 KP8	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4959	537 Bùi Thị Liễu	12/10/71			29A/9 KP8	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
4960	538	Cao Kim Hồng		01/01/88	262283432	96/6A kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000
4961	539	Đàm Thị Xuân Duyên		01/29/85	272092737	7/20 kp8	NKT nặng	450.000	1.500.000
4962	540	Đặng Minh Thắng	06/03/82			126E kp5	NKT nặng	450.000	1.500.000
4963	541	Đặng Thị Yến		01/01/67		72F tổ 13 KP6	NKT nặng	450.000	1.500.000
4964	542	Đào Duy Tân	01/01/99			23 tổ 16 kp8	NKT nặng	450.000	1.500.000
4965	543	Đinh Quốc Duy	01/01/93			173/150 KP8	NKT nặng	450.000	1.500.000
4966	544	Đinh Tân Thuận	09/23/99		272789627	C402 tổ 14 kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000
4967	545	Đinh Thị Minh Thư		10/11/75	271566261	tổ 15 kp4	NKT nặng	450.000	1.500.000
4968	546	Đỗ Thanh Luân	01/01/87		271913820	C352 tổ 4 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000
4969	547	Đỗ Thành Tôn	11/03/02			Tổ 11 KP7	NKT nặng	450.000	1.500.000
4970	548	Đỗ Thị Hương		06/07/83		E470B kp5	NKT nặng	450.000	1.500.000
4971	549	Đỗ Thị Sen		01/01/76	272568983	D504B tổ 10 KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000
4972	550	Đỗ Thị Sơn		12/03/84	272222043	245/15 kp5A	NKT nặng	450.000	1.500.000
4973	551	Đoàn Anh Thao	01/01/99			A157E KP1	NKT nặng	450.000	1.500.000
4974	552	Dương Nam Hải	12/16/82			22/3 tổ 9 kp6	NKT nặng	450.000	1.500.000
4975	553	Dương Văn Khánh	04/01/75		272628165	37/7 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000
4976	554	Dương Văn Nghĩa	01/01/98		272804972	28/11 tổ 11 kp8	NKT nặng	450.000	1.500.000
4977	555	Dương Việt Đức	01/01/95		272455588	E280, KP5	NKT nặng	450.000	1.500.000
4978	556	Hà Thị Thanh Thùy		01/01/84		235/20 tổ 23 KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000
4979	557	Huỳnh Hải	10/10/77		271371506	12 KP6	NKT nặng	450.000	1.500.000
4980	558	Kiều Minh Xuân	12/23/65			C440 tổ 16 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000
4981	559	Lâm Thị Bích Lựu	06/13/00		270108879	26E tổ 6 kp5	NKT nặng	450.000	1.500.000
4982	560	Lâm Trường Giang	03/13/82		272757224	76/7 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000
4983	561	Lê Huy Phong	10/08/88		272566012	853A kp8	NKT nặng	450.000	1.500.000
4984	562	Lê Ngọc Tú		01/01/82	271434961	G61 tổ 17 kp7	NKT nặng	450.000	1.500.000
4985	563	Lê Thị Bình		01/01/66	272463732	56/2 tổ 4 KP5	NKT nặng	450.000	1.500.000
4986	564	Lê Thị Minh	07/12/85			413B tổ 11 kp5	NKT nặng	450.000	1.500.000
4987	565	Lê Trọng Thảo	01/01/78		271611781	4/3 KP6	NKT nặng	450.000	1.500.000
4988	566	Lê Trung Thành	01/01/75			Tổ 10, KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000
4989	567	Lê Văn Cảnh	02/20/84			D872 kp8	NKT nặng	450.000	1.500.000
4990	568	Lê Văn Lực					NKT nặng	450.000	1.500.000

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
4991	569	Nguyễn Trung Mạnh	01/01/85	272309525	8/6A tổ 21 KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4992	570	Ngô Đình Sơn	02/18/76	272508527	E261C kp5A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4993	571	Ngô Phi Thôn	11/30/85	272433727	49/8A kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4994	572	Ngô Thị Thoa			185/1 tổ 12 KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4995	573	Nguyễn Công Bình	01/01/64	276012574	34/12 kp8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4996	574	Nguyễn Đình Tuấn	09/12/02		1423/51/55/8 tổ 24 KP7	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4997	575	Nguyễn Đoàn Thị Thủy Tiên		271574196	tổ 30 kp8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4998	576	Nguyễn Hùng	10/09/84	205341399	D246 tổ 3 kp4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
4999	577	Nguyễn Kim Mai	01/01/66	142811101	1175/21 kp7	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5000	578	Nguyễn Mai Lan	09/02/87	272895449	E924 KP5A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5001	579	Nguyễn Thanh Đạt	05/15/03	331387061	E649 tổ 5 kp5	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5002	580	Nguyễn Thanh Toàn	01/01/82	272049640	C33 tổ 2 kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5003	581	Nguyễn Thị Ánh Nga	01/01/75		A359 Tổ 10KP1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5004	582	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	01/01/69			NKT nặng	450.000	1.500.000	
5005	583	Nguyễn Thị Bích Giang	01/01/95	272112722	C360 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5006	584	Nguyễn Thị Hào	01/01/75	161785170	Tổ 30 KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5007	585	Nguyễn Thị Hiền	01/01/66		E379A KP5	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5008	586	Nguyễn Thị Hiền	01/01/83		13D tổ 3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5009	587	Nguyễn Thị Hồng Tuyền	01/01/92	272330617	70/5 tổ 2 kp8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5010	588	Nguyễn Thị Hồng Yên	09/14/72	272855894	D391 tổ 7 KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5011	589	Nguyễn Thị Kim Lan	01/01/73		G03 tổ 20 KP7	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5012	590	Nguyễn Thị Kim Phương	01/01/64	272099029	7/23 kp8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5013	591	Nguyễn Thị Lan Anh	19/11/197	272789020	E152B tổ 10 kp5	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5014	592	Nguyễn Thị Linh	12/14/87	272112668	105 tổ 10 KP6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5015	593	Nguyễn Thị Minh Tâm	10/25/97	272597914	E190 tổ 3 KP5A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5016	594	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	01/01/91		36/45 tổ 15 KP8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
			08/11/01				450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5017	Nguyễn Thị Thanh Tùng		11/05/76	272568888	251/83/274 KP1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5018	Nguyễn Thị The		09/18/60	272237110	1/23 kp8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5019	Nguyễn Thị Thùy		05/05/73		8/3 KP5A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5020	Nguyễn Thị Tím		06/04/76		160C kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5021	Nguyễn Thị Túy Phương		06/02/67	291086307	173/454T kp8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5022	Nguyễn Thị Tuyền		01/01/70		G55 KP7	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5023	Nguyễn Thị Xuân Hương		08/14/66	272704003	E835C tổ 14 KP5A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5024	Nguyễn Thị Yên		06/04/92	272508748	E128 kp5	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5025	Nguyễn Thùy Linh		06/03/03		A729 tổ 17B KP1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5026	Nguyễn Tiến Hải	01/10/75		272638123	G11 tổ 12 KP7	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5027	Nguyễn Trọng Vũ	01/01/86			A587 tổ 15 KP1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5028	Nguyễn Tuấn Anh	01/01/88		271894699	89 tổ 1 KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5029	Nguyễn Văn Cốc	02/10/70		271871817	45A kp8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5030	Nguyễn Văn Dũng	08/17/83		272193358	212C kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5031	Nguyễn Văn Luân	01/01/61		271854217	D319 KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5032	Nguyễn Văn Lượng	02/28/98			E465 tổ 16 KP5	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5033	Nguyễn Văn Nam	01/01/62		272780818	10/8 tổ 24 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5034	Nguyễn Văn Tuấn	12/31/82		271449555	G23 kp7	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5035	Phạm Công Mười Anh	01/01/63		271110162	20/6A kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5036	Phạm Đình Khang	05/21/67		272237203	65A/8A, KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5037	Phạm Đình Thị Ngọc Trình		01/01/91		Tổ 20 KP7	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5038	Phạm Ngọc Bích Huyền		12/01/03		502 tổ 11 kp5	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5039	Phạm Phúc Danh Toại	12/10/03			113A/6 tổ 16 KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5040	Phạm Thị Chanh		05/24/89	272270203	14/7 tổ 19 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5041	Phạm Thị Hà		01/01/75		A718 T17 kp1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5042	Phạm Thị Mỹ Duyên		01/01/96	272577626	86A/2 KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5043	Phạm Thị Nga		01/09/88	272970919	23 kp6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5044	Phạm Thị Quyên		11/02/77		E884C kp5A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5045	Phạm Thiên Bình	09/13/00			C152, KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5046	Phạm Tiên Thu	11/16/68			173/186 kp8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5047	Phạm Trinh Công Phát	09/07/92			14/5, tổ 12, KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5048	Phạm Văn Huân	01/01/78			24/11 KP8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5049	Phạm Văn Thái	08/20/65		272917022	173/454T kp8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5050	Phạm Văn Trọng	07/26/91			14/7 tổ 19 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5051	Phạm Vũ Công	10/14/91		272143723	23/18 kp8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5052	Phan Bùi Minh	08/18/97		272582563	101/245/24 kp4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5053	Phan Thanh Hương	04/16/85		271822868	796 KP8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5054	Phan Văn Trường	10/15/77		037077001616	tổ 27 kp6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5055	Phan Văn Việt	09/01/66		271807924	E831A kp5	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5056	Phan Văn Vô	05/02/76			947B kp5A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5057	Tô Đình Tài	05/10/70		272106817	tổ 31 kp7	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5058	Tổng Thị Hậu		01/01/64		98A tổ 31 KP7	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5059	Trần Đăng Long	06/30/79		272122752	72/3 kp6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5060	Trần Sĩ Tinh	01/01/82		272546955	83 tổ 7 KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5061	Trần Thị Anh Thư		09/10/91	271978074	10 tổ 23 kp8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5062	Trần Thị Bắc		01/01/69	272203531	E778 KP5	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5063	Trần Thị Kim Nữ		01/01/01		12 KP5A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5064	Trần Văn Nhỏ	08/15/64		270994108	25/10 KP8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5065	Trịnh Hoài Thương		10/20/99	272798779	167/30 kp5A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5066	Trịnh Thị Xuyên		10/03/96	272576205	112 tổ 5 kp6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5067	Trương Đình Việt Nho	01/01/92			E230B KP5A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5068	Trương Duy Hưng	01/01/68		285472364	D23 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5069	Trương Tấn Tài	10/04/03			C211 kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5070	Vũ Đức Tuấn	01/01/74		272436897	38/6A KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5071	Vũ Mạnh Huy	01/01/04			Tổ 18, KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5072	Vũ Minh Trí	01/01/97			148 tổ 6 KP7	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5073	Vũ Thị Mai Anh		02/01/95		E888 tổ 25 KP5A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5074	Vũ Thị Sao		01/01/67		E471 KP5	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5075	Vũ Văn Lợi	01/01/01			39/4, KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5076	Bùi Thị Dung		11/01/52	150013230	08B tổ 25 kp7	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5077	Cao Thanh Bình	06/20/47		272122813	105/2 kp2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5078	Đỗ Văn Tự	01/01/41		272099237	126 kp5A	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5079	Dương Thị Bằng		01/01/52	272446338	101/107 kp4	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5080	Lê Đăng Sen	12/25/54		272289887	D627 kp4	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5081	Lê Ngọc Doan	06/18/36		272779860	47C, tổ 27, KP2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5082	Mai Xuân Chung	08/14/50		272143188	14 kp6	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5083	Nguyễn Bá Hải	11/20/46		272470580	11 tổ 6 kp8	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5084	Nguyễn Thị Cánh		01/01/50	272286605	E170 kp5	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5085	Nguyễn Thị Cây		01/01/54		E770A kp5	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5086	Nguyễn Thị Hậu		01/10/60	272879294	106A tổ 29 kp8	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5087	Nguyễn Thị Hoa		01/01/56	272486894	C358A tổ 13 KP3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5088	Nguyễn Thị Huyền		01/01/53	370126471	92B kp4	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5089	Nguyễn Thị Khương		03/13/58	272311728	D555 kp4	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5090	Nguyễn Thị Le		01/01/53	271981132	C85 tổ 8 KP3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5091	Nguyễn Thị Mão		01/01/52	272286592	E820A tổ 49 KP5A	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5092	Nguyễn Thị Vân		01/01/53		E668A tổ 36 KP5A	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5093	Nguyễn Tiến Thư	01/01/37		272783563	330A tổ 20 kp5	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5094	Nguyễn Văn Hiếng	01/01/59		272398870	Tổ 35 KP2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5095	Nguyễn Văn Quy	01/01/45		140570649	G38A kp7A	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5096	Nguyễn Việt Học	06/04/56		272099836	160C kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5097	Nguyễn Việt Hùng	15/5/1950		270386799	E152 kp5	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5098	Ninh Thị Thắm		05/10/59	272466739	38/4 kp2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5099	Phạm Công Bình	07/20/46		271448729	D208, tổ 2, KP4	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5100	Phạm Khắc Chính	01/12/58		272446926	223 kp4	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5101	Phạm Văn Anh	07/03/72		122335752	136/52 kp2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5102	Phạm Xuân Nhất	04/19/51		271569811	C90 kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5103	Trần Thị Hương		06/20/54	272794833	tổ 3 kp1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5104	682 Trần Văn Luật	01/01/43		272267064	134/37 kp8	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5105	683 Trần Văn Sứ	01/01/36		272329664	55A kp4	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5106	684 Vũ Đình Thuận	08/15/58		270713527	A619 KP1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5107	685 Vũ Thị Mân		11/30/49	371603854	750 tổ 42 kp8	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5108	686 Vũ Thị Minh Nguyệt		01/01/59	270090659	A471 KP1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5109	687 Vũ Thị Tiếp		05/19/56	271936857	tổ 25 kp2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5110	688 Vũ Văn Quang	03/02/60		291130236	441 tổ 38 kp5A	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5111	689 Vương Ngọc Mân	02/10/52		145377899	30/23 kp8	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5112	690 Bạch Công Thăng	08/26/09			521/87/31 kp1	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5113	691 Bùi Nguyễn Nhật Minh	01/09/12			G67 kp7	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5114	692 Đào Đồng Nghi	9/10/2006		272289887	I327 kp7A	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5115	693 Đào Ngọc Hoàng Linh		10/26/12		E164 kp5	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5116	694 Đào Vũ Minh Đăng	10/16/10			33/157 kp2	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5117	695 Đỗ Thị Thu Hiền		11/24/04		C354 tổ 7 kp3	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5118	696 Dương Thị Hồng Phúc		05/02/05		37/7 kp2	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5119	697 Hà Huy Tâm	05/12/11			tổ 3 kp8	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5120	698 Hà Kiều Trinh		09/09/07		24/45/10 kp5	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5121	699 Hồ Hoàng Hải	12/17/12			D588 kp4	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5122	700 Hoa Thị Bảo Hân		01/01/08		A500 tổ 11 KP1	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5123	701 Hoàng Quốc Toàn	11/10/10			tổ 43 kp8	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5124	702 Lê Bá Nhật Huy	11/24/07			E687A tổ 36 KP5A	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5125	703 Lê Hoàng Nhật Minh	11/25/09			tổ 30 kp8	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5126	704 Lê Hoàng Phúc	11/07/10			Tổ 28A KP2	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5127	705 Lê Hoàng Thành Đạt	01/02/09			tổ 28A kp2	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5128	706 Lê Ngọc Phương Nhung		10/08/05		tổ 39 kp2	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5129	707 Lê Ngọc Tường Vy		06/22/07		tổ 39 kp2	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5130	708 Lê Quý Mạnh	01/05/15			tổ 16 kp4	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5131	709 Lê Trần Xuân Thành	05/28/04			74B, tổ 6, KP6	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5132	710 Nguyễn Đại Lâm	10/19/11			tổ 18 kp4	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5133	711 Nguyễn Đăng Nghĩa	10/21/09			631/17 kp1	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5134	Nguyễn Đức Đăng	08/12/13			198 kp5A	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5135	Nguyễn Lê Trúc Quân	11/30/15			tổ 9 kp4	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5136	Nguyễn Minh Tiến	09/10/10			19b/8 tổ 35 kp2	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5137	Nguyễn Ngọc Anh		03/09/14		G28 kp7	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5138	Nguyễn Ngọc Khang	08/15/12			A756A kp1	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5139	Nguyễn Nhật Phương	02/14/13			87 kp6	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5140	Nguyễn Phạm Hồng Nhi		01/10/08		E178 tổ 3 kp5	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5141	Nguyễn Phan Hồng Phúc	01/22/06			G43 kp7	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5142	Nguyễn Phương Ngọc Quỳnh		09/09/07		36/45 tổ 15 KP8	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5143	Nguyễn Quỳnh Như		04/11/12		A093 tổ 3 kp1	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5144	Nguyễn Thị Minh Nguyệt		01/01/05		E456E KP5	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5145	Nguyễn Tuấn Anh	11/25/10			245/14 kp5A	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5146	Nguyễn Tuệ Lâm Anh				tổ 40 kp5A	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5147	Nguyễn Văn Tú	07/28/14		07/14/17	679/21 kp7	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5148	Phạm Huyền Trang		02/09/07		G07 tổ 20 kp7	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5149	Phạm Thanh Lâm	01/09/10			1023/119T kp7	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5150	Phạm Xuân Đức	06/08/07			Tổ 13, KP7	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5151	Phan Bảo Thy		01/09/09		D209E kp4	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5152	Quách Thế Hào	05/04/10			353/9 kp6	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5153	Thái Văn Nhân Kiệt	06/29/11			E865L kp5A	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5154	Trần Đức Dương	05/24/09			61D KP3	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5155	Trần Trung Hải	02/21/15			26/17 kp8	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5156	Trần Văn Anh		07/16/08		tổ 10 kp4	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5157	Võ Nguyễn Bảo An	01/20/06			E826B kp5A	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5158	Vũ Minh Hiếu	01/21/07			tổ 31 kp8	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5159	Đoàn Thị Hải Yến		01/01/02		G01 KP7	NKT nặng là trẻ em	450.000	1.500.000	
5160	Phạm Hoàng Hải Nguyễn	03/15/00			C133 tổ 2 kp3	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5161	739 Nguyễn Tuấn Kiệt	07/20/18			953 kp7	Trẻ em dưới 4 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng	750.000	1.500.000	
XI. PHƯỜNG LONG BÌNH TÂN									
5162	1 Huỳnh Thị Thúy Hà		01/01/44		25/97E kp Bình Dương	NCT cô đơn thuộc hộ nghèo từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi	450.000	1.500.000	
5163	2 Lê Thị Hiểm		01/01/45	270165731	149 kp Bình Dương	NCT cô đơn thuộc hộ nghèo từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi	450.000	1.500.000	
5164	3 Nguyễn Tấn Hoàng	01/01/59			25/5A kp Bình Dương	NCT cô đơn thuộc hộ nghèo từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi	450.000	1.500.000	
5165	4 Nguyễn Thị Dương		06/07/51	272238355	29B kp2	NCT cô đơn thuộc hộ nghèo từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi	450.000	1.500.000	
5166	5 Nguyễn Thị Gái		01/01/49	270157227	101/1B kp Bình Dương	NCT cô đơn thuộc hộ nghèo từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi	450.000	1.500.000	
5167	6 Phan Văn Sĩ	01/26/45			63B/9 tổ 9 kp Long Diêm	NCT cô đơn thuộc hộ nghèo từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi	450.000	1.500.000	
5168	7 Hà Thị Hào		01/01/25	270171322	45/7 tổ 7 KP Long Diêm	NCT cô đơn thuộc hộ nghèo từ đủ 80 tuổi trở lên	600.000	1.500.000	
5169	8 Tô Thị Mỹ		01/01/35		124 kp Bình Dương	NCT cô đơn thuộc hộ nghèo từ đủ 80 tuổi trở lên	600.000	1.500.000	
5170	9 Ao Văn Long	01/01/40		270171043	13/3 kp Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5171	10 Bùi Quang Lợi	01/01/37		270165949	119 kp long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5172	11 Bùi Thị Bi		01/01/40	020996465	50/G kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5173	12 Bùi Thị Mọi		01/01/33	140572858	167 tổ 4 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5174	13 Bùi Thị Tài		01/01/22	270401150	Số 97, KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5175	14 Bùi Thị Thiều		01/01/40	161319878	390/6 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5176	Bùi Văn Xường	01/01/34		270240203	KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5177	Cao Thị Bê		01/01/39	270185737	170 kp Bình Dương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5178	Cao Thị Bình		01/01/35	270166930	46 KP Bình Dương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5179	Cao Thị Duyên		01/01/32	272329217	247C Kp Thái Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5180	Cao Thị Kha		01/01/35	270155488	255 Thái Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5181	Cao Thị Thóc		09/20/34	270251689	236 Long Điền	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5182	Cao Thị Tròn		03/08/34	187053997	11A tổ 2 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5183	Cao Văn Cảnh	01/01/38		272870331	175 kp Thái Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5184	Cao Văn Cừ	01/01/31		270155390	Khu phố Thái Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5185	Cao Văn Đạt	01/01/39		270155543	kp Thái Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5186	Cao Xuân Song	02/20/40		241009012	tổ 18 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5187	Châu Văn Giảng	01/01/40		270171118	10/50 kp Long Điền	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5188	Châu Văn Mèo	01/01/38		270161987	64 kp Long Điền	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5189	Chống A Vòng		06/12/36		E36 tổ 26 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5190	Chu Thị Chân		07/30/37	272563146	175 tổ 8 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5191	Chu Thị Quyết		01/01/24	272398872	64B KP Bình Dương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5192	Công Tăng Tôn Nữ Lệ Chi		04/09/39		tổ 10 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5193	Cù Thị Hoa		11/21/35	183422346	68B HV KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	Chết T4/2020
5194	Đặng Thị Minh		01/01/34		E24 tổ 26 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	500.000	
5195	Đào Thị Hợp		01/01/33		227 Thái Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5196	Đào Thị Mã		01/01/39	272795806	367 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5197	Đào Thị Quyền		01/01/39	270155385	kp Thái Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5198	Đào Văn Lố		01/01/39	270171279	C5 kp Long Điền	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	